



ĐỀ THẢO
Ngày 21/8/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
về ứng phó với biến đổi khí hậu**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 54/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15 và Luật số /2026/QH...;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết Điều 90 về thích ứng với biến đổi khí hậu, Điều 91 về giảm phát thải khí nhà kính, Điều 92 về bảo vệ tầng ô-dôn, Điều 139 về thị trường các-bon trong nước của Luật Bảo vệ môi trường và các biện pháp thi hành...

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Khả năng chống chịu* là năng lực của hệ thống, con người hoặc cộng đồng trong việc dự đoán, quản lý và phục hồi trước các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu.

2. Ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC) là cơ quan thuộc Liên hợp quốc có trách nhiệm cung cấp thông tin, cơ sở khoa học về biến đổi khí hậu do con người gây ra, các tác động của biến đổi khí hậu tới tự nhiên, chính trị, kinh tế và các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Các quá trình công nghiệp là các hoạt động công nghiệp gây phát thải khí nhà kính từ các quá trình hoá, lý không tiêu thụ năng lượng; là một trong các lĩnh vực phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo quy định của Công ước khung của

Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.

4. Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) là điều ước quốc tế về môi trường nhằm mục tiêu giảm thiểu tác động của con người tới hệ thống khí hậu toàn cầu, bao gồm việc ổn định nồng độ khí nhà kính trong bầu khí quyển.

5. Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước là các quy định, quy trình, chế tài điều chỉnh các hoạt động đăng ký, triển khai, đo đạc, báo cáo, thẩm định chương trình, dự án giảm nhẹ phát thải khí nhà kính tạo tín chỉ các-bon theo các tiêu chuẩn các-bon trong nước.

6. Cơ chế Điều 6.2 Thỏa thuận Paris là cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon được quy định tại khoản 2 Điều 6 Thỏa thuận Paris thuộc Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu. Cơ chế Điều 6.2 Thỏa thuận Paris cho phép các quốc gia trao đổi song phương các tín chỉ các-bon, kết quả giảm phát thải khí nhà kính để sử dụng cho mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính theo Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC).

7. Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris là cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon được quy định tại khoản 4 Điều 6 Thỏa thuận Paris thuộc Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu. Cơ chế Điều 6.4 Thỏa thuận Paris cho phép các tổ chức tại các quốc gia tham gia là thành viên của Thỏa thuận Paris đăng ký chương trình, dự án theo các phương pháp do UNFCCC công nhận và cấp tín chỉ các-bon cho các chương trình, dự án sau khi được thẩm định.

8. Đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) giảm phát thải khí nhà kính là các hoạt động thu thập, xử lý, quản lý, lưu trữ, cung cấp, kiểm tra thông tin và thẩm định kết quả thực hiện giảm phát thải khí nhà kính đảm bảo tính minh bạch, tính chính xác và có thể kiểm chứng được, cụ thể bao gồm:

a) Đo đạc là hoạt động xác định lượng khí nhà kính giảm được của biện pháp giảm phát thải khí nhà kính theo phương pháp được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

b) Báo cáo là hoạt động tính toán, tổng hợp và gửi kết quả đo đạc mức giảm phát thải khí nhà kính và thông tin liên quan khác theo hướng dẫn, quy trình, biểu mẫu do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

c) Thẩm định là hoạt động đánh giá báo cáo kết quả đo đạc mức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và thông tin liên quan khác theo phương pháp và quy trình do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

9. Kịch bản phát triển thông thường (BAU) là giả định có cơ sở khoa học về mức phát thải khí nhà kính trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội thông thường trong tương lai khi chưa thực hiện biện pháp giảm phát thải khí nhà kính.

10. Kiểm kê khí nhà kính là hoạt động thu thập thông tin, số liệu về các nguồn phát thải khí nhà kính, tính toán lượng phát thải khí nhà kính, hấp thụ khí nhà kính trong một phạm vi xác định và trong một năm cụ thể theo phương pháp và quy trình do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

11. Thỏa thuận Paris là điều ước quốc tế trong khuôn khổ của Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (sau đây viết tắt là UNFCCC) có hiệu lực thực hiện từ năm 2021, quy định trách nhiệm của các quốc gia thành viên về thích ứng, giảm phát thải khí nhà kính thông qua Đóng góp do quốc gia tự quyết định (sau đây viết tắt là NDC).

12. Phương pháp tạo tín chỉ các-bon là tập hợp các quy trình kỹ thuật được sử dụng để tính lượng giảm phát thải hoặc hấp thụ khí nhà kính của dự án giảm phát thải, tạo tín chỉ các-bon.

13. Mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính khác quy định tại Nghị định này là mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính theo các cam kết quốc tế hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên ngoài mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính trong NDC (gọi tắt là mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính theo các điều ước quốc tế và cam kết quốc tế) hoặc mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính tự nguyện của cơ quan, tổ chức.

14. Chương trình, dự án là chương trình, dự án giảm phát thải khí nhà kính và tạo kết quả giảm phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon theo các tiêu chuẩn các-bon.

15. Tiêu chuẩn các-bon là quy định về nguyên tắc, yêu cầu, quy trình, thủ tục và phương pháp luận để tạo tín chỉ các-bon từ hoạt động giảm phát thải khí nhà kính; được ban hành và quản lý bởi cơ quan, tổ chức trong nước hoặc quốc tế.

16. Một đơn vị kết quả giảm phát thải khí nhà kính là chứng nhận thể hiện quyền phát thải một tấn khí CO₂ hoặc một tấn khí CO₂ tương đương, hình thành từ hoạt động giảm phát thải khí nhà kính nhưng không ban hành dưới dạng đơn vị tín chỉ các-bon.

17. Quốc gia chủ nhà là quốc gia nơi chương trình, dự án được thực hiện.

18. Tính bổ sung là tiêu chí được sử dụng để đánh giá các chương trình, dự án có đủ điều kiện tạo kết quả giảm phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon. Một chương trình, dự án được coi là có tính bổ sung khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Chứng minh được lượng giảm phát thải khí nhà kính từ thực hiện chương trình, dự án cao hơn mức giảm phát thải theo quy định pháp luật hiện hành hoặc yêu cầu bắt buộc của quốc gia chủ nhà;

b) Chứng minh được chương trình, dự án áp dụng công nghệ giảm phát thải khí nhà kính tiên tiến, vượt trội so với công nghệ phổ biến tại quốc gia chủ nhà;

c) Chứng minh được chương trình, dự án khó triển khai hoặc khó thu hút đầu tư nếu không có hỗ trợ về công nghệ, tài chính hoặc nguồn thu từ việc bán kết quả giảm phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon.

19. Tính bền vững là tiêu chí được sử dụng để đánh giá các chương trình, dự án đủ điều kiện tạo kết quả giảm phát thải khí nhà kính hoặc tín chỉ các-bon. Một chương trình, dự án được coi là có tính bền vững khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Chứng minh được chương trình, dự án tiếp tục tạo ra kết quả giảm phát thải khí nhà kính sau khi kết thúc giai đoạn tạo tín chỉ các-bon đã đăng ký;

b) Chứng minh được chương trình, dự án có đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững của quốc gia chủ nhà.

20. Tính hai lần là việc sử dụng cùng một lượng kết quả giảm phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon nhiều hơn một lần để thực hiện mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính trong NDC hoặc mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính khác.

21. Tiêu chuẩn các-bon độc lập là tiêu chuẩn các-bon được ban hành và quản lý bởi tổ chức quốc tế hoặc tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, cho phép các cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện chương trình, dự án tạo tín chỉ các-bon để sử dụng và thực hiện các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính.

22. Tổ chức quản lý tiêu chuẩn các-bon độc lập là tổ chức quốc tế hoặc tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài, hoạt động độc lập; hướng dẫn, giám sát, phê duyệt phương pháp tạo tín chỉ các-bon, phê duyệt chương trình, dự án, cấp tín chỉ các-bon theo quy định và quy trình của tiêu chuẩn các-bon đó.

XX. Giai đoạn thí điểm của thị trường các-bon là thời gian tính từ ngày Nghị định này có hiệu lực cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2028. Trong giai đoạn thí điểm. (đưa xuống Điều quy định chi tiết)

23. Năng suất lạnh danh định là khả năng làm lạnh của thiết bị làm lạnh hoặc điều hòa không khí ở điều kiện tiêu chuẩn và được ghi trên nhãn của nhà sản xuất.

24. Tái chế các chất được kiểm soát là quá trình xử lý bằng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật nhằm thu lại các thành phần từ chất được kiểm soát để sử dụng theo đặc tính của chất ban đầu.

25. Tái sử dụng các chất được kiểm soát là việc sử dụng lại các chất được kiểm soát sau khi được làm sạch mà không làm thay đổi tính chất của chất đó.

26. Thu gom chất được kiểm soát là hoạt động hút các chất được kiểm soát ra khỏi một hệ thống và lưu giữ các chất này trong một bình chứa bên ngoài.

27. Trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon là hoạt động mua, bán hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch các-bon.

28. Xử lý các chất được kiểm soát là quá trình tiêu hủy các chất được kiểm soát bằng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật để không gây tác động tiêu cực đến sức khỏe con người và môi trường.

29. Làm mát bền vững là việc áp dụng các giải pháp làm mát thân thiện với khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và hướng tới sử dụng các chất được kiểm soát có giá trị tiềm năng làm nóng lên toàn cầu thấp hoặc bằng “0” trong các công trình xây dựng và khu vực đô thị.

30. Chất được kiểm soát nguyên sinh là chất được kiểm soát được sản xuất lần đầu hoặc nhập khẩu lần đầu để đưa vào sử dụng, chưa qua quá trình thu hồi, tái chế hoặc tái sử dụng.

31. Chất được kiểm soát sau tái chế là chất được kiểm soát được thu hồi từ thiết bị, sản phẩm hoặc hệ thống, đã được tái chế hoặc tái sinh đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và được phép tiếp tục lưu thông, sử dụng.

32. Vận chuyển xuyên biên giới chất được kiểm soát đã qua sử dụng là việc xuất khẩu, nhập khẩu hoặc quá cảnh chất được kiểm soát đã qua sử dụng để phục vụ tái chế, tái sử dụng hoặc xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

33. Truy xuất nguồn gốc chất được kiểm soát là việc lưu giữ, quản lý và cung cấp thông tin về quá trình thu gom, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng, xử lý và lưu thông của chất được kiểm soát.

Điều 3. Nguyên tắc ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn

1. Hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu phải được thực hiện chủ động, có trọng tâm, trọng điểm; dựa trên bằng chứng khoa học, kịch bản biến đổi khí hậu, dự báo phát triển kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư và năng lực thích ứng của từng ngành, lĩnh vực, khu vực và địa phương.

2. Ưu tiên bảo vệ tính mạng, sức khỏe của nhân dân, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, hệ sinh thái tự nhiên, cơ sở hạ tầng thiết yếu, khu vực và đối tượng dễ bị tổn thương; bảo đảm bình đẳng giới, công bằng, bao trùm và không làm gia tăng tác động của biến đổi khí hậu hoặc chuyển dịch rủi ro từ khu vực, nhóm đối tượng này sang khu vực, nhóm đối tượng khác.

3. Kết hợp giải pháp công trình và phi công trình; ưu tiên giải pháp thích ứng dựa vào tự nhiên, dựa vào hệ sinh thái, dựa vào cộng đồng, giải pháp có tính linh hoạt, không hối tiếc và mang lại đồng lợi ích về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm phát thải khí nhà kính và phát triển bền vững.

4. Kết quả thực hiện hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu phải được giám sát, đánh giá, minh bạch, cập nhật và sử dụng làm cơ sở phục vụ công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu.

5. Giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn phải phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, pháp luật hiện hành và các quy định, điều ước quốc tế có liên quan với mục đích phát triển nền kinh tế các-bon thấp và tăng trưởng xanh gắn liền với phát triển bền vững.

6. Quản lý hoạt động giảm phát thải khí nhà kính phải tuân theo nguyên tắc trách nhiệm, thống nhất, công bằng, minh bạch; mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính được Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh theo ưu tiên phát triển quốc gia và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

7. Hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon đảm bảo công khai, hài hoà lợi ích của các chủ thể trên thị trường các-bon. Các tổ chức, cá nhân tham gia thị trường các-bon trên cơ sở tự nguyện.

8. Nhập khẩu, xuất khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát chỉ được thực hiện với các nước là thành viên của Nghị định thư Montreal theo lộ trình thời gian do Nghị định thư quy định.

Chương II

THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Điều 4. Kịch bản biến đổi khí hậu

1. Kịch bản biến đổi khí hậu là căn cứ để đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu; xây dựng, rà soát và cập nhật chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án và giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sử dụng thống nhất kịch bản biến đổi khí hậu quốc gia; trường hợp xây dựng kịch bản chi tiết cho ngành, lĩnh vực hoặc địa phương phải bảo đảm phù hợp với kịch bản quốc gia, công khai phương pháp, dữ liệu và giả định sử dụng.

Điều 5. Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu

1. Việc đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu được thực hiện đối với hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội; các ngành, lĩnh vực, khu vực và đối tượng dễ bị tổn thương.

2. Việc đánh giá phải đảm bảo khách quan, có cơ sở khoa học; phản ánh đầy đủ, nhất quán thông tin, phương pháp sử dụng và kết quả đánh giá; phải sử dụng dữ liệu có nguồn gốc rõ ràng, có thể kiểm chứng; kết hợp dữ liệu quan trắc, thống kê, điều tra, viễn thám, mô hình, tri thức bản địa và tham vấn các bên liên quan.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết yêu cầu, nội dung, trình tự đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu.

4. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức đánh giá trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý; công bố kết quả đánh giá tác động của biến đổi khí hậu trên trang thông tin điện tử của mình và gửi về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp.

5. Bộ, cơ quan ngang Bộ, căn cứ yêu cầu quản lý và trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, ban hành quy định kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật hoạt động đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu thuộc ngành, lĩnh vực quản lý, bảo đảm thống nhất với quy định chung về đánh giá tác động của biến đổi khí hậu.

Điều 6. Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu

1. Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp ưu tiên, nguồn lực, trách nhiệm thực hiện và cơ chế giám sát, đánh giá nhằm giảm thiểu mức độ dễ bị tổn thương và rủi ro trước những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng,

trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu; tổ chức thực hiện và rà soát, cập nhật định kỳ 05 năm một lần.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu trong phạm vi quản lý; xác định rõ danh mục nhiệm vụ, dự án, tiến độ, nguồn lực, cơ quan chủ trì, định kỳ hằng năm gửi báo cáo giám sát, đánh giá tình hình thực hiện về Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 7. Tổ chức thực hiện các giải pháp giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu

1. Tổn thất và thiệt hại là những mất mát về kinh tế và phi kinh tế đối với hệ thống tự nhiên, kinh tế, xã hội không thể tránh khỏi do các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu gây ra, vượt qua khả năng thích ứng của cộng đồng, hệ sinh thái.

2. Giải pháp giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu là tập hợp các biện pháp chính sách, kỹ thuật, tài chính và xã hội nhằm phòng ngừa, hạn chế, khắc phục các tổn thất và thiệt hại phát sinh do tác động của biến đổi khí hậu.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trên cơ sở kết quả nhận diện, thống kê, đánh giá tổn thất, thiệt hại do biến đổi khí hậu trong phạm vi quản lý, xác định nhu cầu và tổ chức thực hiện các giải pháp giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu.

Điều 8. Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu với biến đổi khí hậu

1. Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu được tổ chức triển khai ở cấp trung ương và địa phương, bảo đảm thống nhất, liên thông, tránh trùng lặp và phục vụ việc theo dõi tiến độ, kết quả, hiệu quả, tính bền vững của hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Nội dung giám sát, đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu bao gồm:

- a) Công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu;
- b) Tăng cường khả năng chống chịu, năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực;
- c) Giảm nhẹ rủi ro thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do biến đổi khí hậu;
- d) Nguồn lực đầu tư cho thích ứng với biến đổi khí hậu;
- đ) Khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế;
- e) Đào tạo, tuyên truyền, nâng cao nhận thức.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia; thiết lập, quản lý và vận hành phần mềm báo cáo kết quả giám sát, đánh giá trực tuyến.

4. Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức giám sát, đánh giá trong phạm vi quản lý và gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông qua phần mềm báo cáo kết quả giám sát, đánh giá trực tuyến để tổng hợp.

Điều 9. Tiêu chuẩn kỹ thuật và quy chuẩn kỹ thuật về thích ứng với biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực chịu tác động của biến đổi khí hậu

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi quản lý có trách nhiệm rà soát, xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật trên cơ sở kịch bản biến đổi khí hậu, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, các yếu tố khác liên quan nhằm nâng cao khả năng chống chịu của công trình, hạ tầng, hệ thống sản xuất, dịch vụ và cộng đồng trước tác động của biến đổi khí hậu. Ưu tiên lĩnh vực xây dựng, giao thông, năng lượng, tài nguyên nước, thủy lợi, nông nghiệp, y tế, thông tin và truyền thông, đô thị, khu công nghiệp và hạ tầng ven biển.

2. Các cơ quan ngang Bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, theo dõi và đánh giá việc xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thích ứng với biến đổi khí hậu; xác định yếu tố khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu cần tích hợp.

Điều 10. Lòng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết đối tượng, nguyên tắc và quy trình lòng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lòng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu trong quá trình xây dựng, điều chỉnh và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch.

Điều 11. Nguồn lực cho thích ứng với biến đổi khí hậu

1. Nguồn lực thực hiện thích ứng với biến đổi khí hậu bao gồm ngân sách nhà nước, vốn đầu tư của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, nguồn tài chính quốc tế, viện trợ, tài trợ, tín dụng xanh, trái phiếu xanh, bảo hiểm tác động của biến đổi khí hậu và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Việc bố trí, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước thực hiện theo pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và pháp luật có liên quan; ưu tiên nhiệm vụ cấp bách, liên vùng, liên ngành, khu vực rủi ro cao, hạ tầng thiết yếu và cộng đồng dễ bị tổn thương.

3. Khuyến khích huy động khu vực tư nhân thông qua hợp tác công tư, cơ chế chia sẻ rủi ro, ưu đãi đầu tư, tín dụng và các công cụ tài chính phù hợp; bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và không làm phát sinh nghĩa vụ tài chính nhà nước trái quy định.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành tiêu chí xác định nhiệm vụ, dự án thích ứng với biến đổi khí hậu ưu tiên để làm cơ sở cho việc đề xuất, lựa chọn, huy động và ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện thích ứng với biến đổi khí hậu; phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, xây dựng cơ chế tiếp cận, huy động, quản

lý, sử dụng hiệu quả các quỹ, cơ chế tài chính khí hậu cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu.

5. Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất cơ chế huy động, phân bổ và theo dõi nguồn lực cho thích ứng với biến đổi khí hậu.

Điều 12. Khuyến khích hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu với biến đổi khí hậu

1. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ, công nghệ cao, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, viễn thám và đổi mới sáng tạo trong dự báo, cảnh báo, đánh giá rủi ro và triển khai hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu với biến đổi khí hậu.

2. Khuyến khích phát triển giải pháp thích ứng mang lại đồng lợi ích về giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, tạo việc làm xanh, nâng cao sinh kế và phát triển kinh tế tuần hoàn; phát triển sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh hỗ trợ thích ứng.

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghệ cao, đầu tư, tín dụng, thuế, bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

4. Khuyến khích tổ chức xã hội, cơ sở giáo dục, cơ quan báo chí, cộng đồng dân cư tham gia truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức, giám sát độc lập và phổ biến tri thức, kinh nghiệm, mô hình thích ứng hiệu quả.

Chương III

QUẢN LÝ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Mục 1

Kiểm kê khí nhà kính, giảm phát thải khí nhà kính và MRV

Điều 13. Đối tượng thực hiện

1. Các cơ sở thuộc danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối của Chính phủ về quản lý phát thải khí nhà kính; thực hiện quản lý nhà nước về giảm phát thải khí nhà kính đối với lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, sử dụng đất, quản lý chất thải và các bể hấp thụ các-bon tự nhiên.

3. Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về giảm phát thải khí nhà kính đối với lĩnh vực năng lượng công nghiệp và các quá trình công nghiệp.

4. Bộ Xây dựng thực hiện quản lý nhà nước về giảm phát thải khí nhà kính đối với lĩnh vực giao thông vận tải, vật liệu xây dựng, các quá trình công nghiệp trong ngành xây dựng, tòa nhà thương mại và phát triển đô thị.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về giảm phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp tại địa phương; chủ trì tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra việc tuân thủ các quy định về quản lý phát thải khí nhà kính trên địa bàn quản lý.

6. Các tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được khuyến khích thực hiện giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện, hoạt động của mình.

Điều 14. Xây dựng và cập nhật danh mục cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính hằng năm

1. Các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính là cơ sở có mức phát thải khí nhà kính hằng năm từ 3.000 tấn CO₂ tương đương trở lên hoặc thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Nhà máy nhiệt điện, cơ sở sản xuất công nghiệp có tổng lượng tiêu thụ năng lượng hằng năm từ 1.000 tấn dầu tương đương (TOE) trở lên;

b) Công ty kinh doanh vận tải hàng hóa có tổng tiêu thụ nhiên liệu hằng năm từ 1.000 TOE trở lên;

c) Tòa nhà thương mại có tổng tiêu thụ năng lượng hằng năm từ 1.000 TOE trở lên;

d) Cơ sở xử lý chất thải rắn có công suất hoạt động hằng năm từ 65.000 tấn trở lên.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Rà soát số liệu tiêu thụ năng lượng, công suất, quy mô của cơ sở trên địa bàn quản lý;

b) Cập nhật và lập danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này phải kiểm kê khí nhà kính, ban hành danh mục các cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn trước ngày 31 tháng 3 hằng năm.

Điều 15. Kiểm kê khí nhà kính

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì tổ chức hoạt động kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo lĩnh vực quản lý; hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính cấp tỉnh; hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở, công bố hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính thuộc phạm vi quản lý phù hợp với quy định và hướng dẫn quốc tế; tổ chức xây dựng, vận hành Hệ thống quản lý khí nhà kính quốc gia.

2. Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính theo lĩnh vực quản lý và xây dựng báo cáo phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia theo các Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày ... tháng ... của kỳ báo cáo kể từ năm ...; cập nhật báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính trên Hệ thống quản lý khí nhà kính quốc gia hằng năm từ năm 2027;

b) Cung cấp bổ sung số liệu hoạt động, thông tin liên quan phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

c) Hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính, công bố hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý phù hợp với quy định và hướng dẫn quốc tế.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát, tổng hợp kết quả kiểm kê khí nhà kính của các cơ sở thuộc danh mục phải kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn quản lý trên Hệ thống quản lý khí nhà kính quốc gia.

4. Các cơ sở thuộc danh mục phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính quy định tại khoản 1 Điều XX Nghị định này có trách nhiệm:

a) Định kỳ hằng năm cung cấp số liệu hoạt động phục vụ xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở trên Hệ thống quản lý phát thải khí nhà kính quốc gia trước ngày 30 tháng 6 hằng năm kể từ năm 2027; số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính của cơ sở là số liệu tính đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề với năm báo cáo;

b) Cung cấp bổ sung số liệu hoạt động của cơ sở khi có yêu cầu của Bộ quản lý lĩnh vực.

Điều 16. Xây dựng, thực hiện và theo dõi, đánh giá giảm phát thải khí nhà kính trong NDC

1. Đóng góp giảm phát thải khí nhà kính quốc gia và các lĩnh vực được quy định trong NDC trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tổng hợp, xây dựng NDC trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Tổng hợp báo cáo theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện NDC gửi Ban Thư ký Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu theo quy định của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm:

a) Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng có trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu hoạt động, các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, phục vụ xây dựng NDC trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; triển khai thực hiện NDC trong phạm vi quản lý; xây dựng báo cáo theo dõi, đánh giá tiến độ thực hiện NDC theo Mẫu XX tại Phụ lục XX gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp trước ngày 30 tháng 6 hằng năm hoặc khi có đề nghị của cơ quan đầu mối của Chính phủ về quản lý phát thải khí nhà kính.

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện NDC đối với ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý;

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện NDC theo chức năng, nhiệm vụ được giao và phù hợp với điều kiện thực tế trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

Điều 17. Đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm phát thải khí nhà kính cấp cơ sở

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng có trách nhiệm xây dựng, ban hành hướng dẫn MRV giảm phát thải khí nhà kính trong phạm vi quản lý phù hợp với các nguyên tắc quy định tại tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14064-1:2025 quy định kỹ thuật và hướng dẫn định lượng và báo cáo các phát thải và loại bỏ khí nhà kính ở cấp độ tổ chức; TCVN ISO 14064-2:2025 quy định kỹ thuật và hướng dẫn định lượng, giám sát và báo cáo giảm phát thải hoặc tăng cường loại bỏ khí nhà kính ở cấp độ dự án; TCVN ISO 14064-3:2025 quy định kỹ thuật và hướng dẫn kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng các tuyên bố khí nhà kính và TCVN ISO 14065:2025 các nguyên tắc chung và yêu cầu đối với các tổ chức xác nhận giá trị sử dụng và kiểm tra xác nhận thông tin môi trường.

2. Các cơ sở phát thải khí nhà kính triển khai thực hiện MRV theo hướng dẫn MRV giảm phát thải khí nhà kính của các cơ quan theo quy định tại khoản 1 Điều này; cung cấp dữ liệu về kết quả giảm phát thải khí nhà kính trên Hệ thống quản lý phát thải khí nhà kính quốc gia làm cơ sở cho việc cung cấp hỗ trợ, ưu đãi cho các hoạt động chuyển đổi xanh.

Điều 18. Kiểm tra, giám sát hoạt động giảm phát thải khí nhà kính

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động kiểm kê khí nhà kính, giảm phát thải khí nhà kính trên phạm vi toàn quốc;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất hoạt động thẩm định kiểm kê khí nhà kính các cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính của các tổ chức thẩm định quy định tại Điều 21 Nghị định này.

2. Trách nhiệm của các Bộ quản lý lĩnh vực:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp, kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của các cơ sở thuộc phạm vi quản lý;

b) Giám sát việc đo đạc, báo cáo và thẩm định kết quả giảm phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực, hoạt động thực hiện hạn ngạch phát thải khí nhà kính và giảm phát thải của các cơ sở thuộc phạm vi quản lý;

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý lĩnh vực thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về giảm phát thải khí nhà kính của các cơ sở trên địa bàn quản lý;

b) Theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trên địa bàn;

c) Tiếp nhận, xử lý theo thẩm quyền các phản ánh, kiến nghị hoặc vi phạm của các cơ sở trên địa bàn liên quan đến việc thực hiện giảm phát thải khí nhà kính; hằng năm báo cáo tổng hợp kết quả gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Trách nhiệm của các cơ sở phát thải khí nhà kính:

a) Chấp hành việc kiểm tra, giám sát của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các Bộ quản lý lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các hồ sơ, tài liệu, số liệu liên quan đến hoạt động giảm phát thải khí nhà kính khi có yêu cầu;

b) Xây dựng và vận hành hệ thống giám sát nội bộ đối với các nguồn phát thải khí nhà kính tại cơ sở; bảo đảm tính chính xác của các thiết bị đo đạc, giám sát và lưu trữ hồ sơ, dữ liệu gốc phục vụ công tác kiểm tra ít nhất là 05 năm;

c) Tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp chặt chẽ với đoàn kiểm tra, giám sát, tổ chức thẩm định trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở;

d) Thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn các biện pháp khắc phục, sửa đổi theo kết luận, kiến nghị của cơ quan kiểm tra, giám sát có thẩm quyền liên quan đến sai lệch trong số liệu hoặc quy trình giảm phát thải khí nhà kính.

Mục 2

HẠN NGẠCH PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Điều 19. Lộ trình, triển khai thực hiện phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính

1. Giai đoạn thí điểm đến năm 2028

a) Giai đoạn đến hết năm 2028 là giai đoạn thí điểm phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính nhằm hướng dẫn các cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính thực hiện các hoạt động kiểm kê khí nhà kính, quản lý hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tham gia thí điểm sàn giao dịch các-bon;

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng thí điểm phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho các nhà máy nhiệt điện, cơ sở sản xuất sắp thép, cơ sở sản xuất xi măng thuộc danh mục quy định tại khoản 1 Điều XX Nghị định này;

c) Các Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng có trách nhiệm chủ trì rà soát, đề xuất danh mục cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính và lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính phân bổ thí điểm hằng năm cho từng cơ sở thuộc phạm vi quản lý, cập nhật lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính lên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trước ngày 31 tháng 12 hằng năm;

d) Hạn ngạch phát thải khí nhà kính được thí điểm phân bổ hằng năm trên cơ sở mức phát thải khí nhà kính trên đơn vị sản phẩm; mục tiêu tăng trưởng của lĩnh vực; mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của lĩnh vực, cơ sở theo kế hoạch sản xuất, kinh doanh; tiềm năng giảm phát thải của cơ sở; năng lực kỹ thuật, công

nghe và tài chính của cơ sở trong thực hiện giảm phát thải khí nhà kính. Phương pháp phân bổ hạn ngạch quy định tại Phụ lục XX Nghị định này;

đ) Trong giai đoạn thí điểm, không áp dụng, không thu các khoản thuế, phí phát sinh từ các giao dịch trao đổi, vay mượn, nộp trả, chuyển giao hạn ngạch phát thải khí nhà kính;

e) Cơ sở được phân bổ hạn ngạch có trách nhiệm thực hiện kiểm kê khí nhà kính định kỳ, thiết lập hệ thống giám sát phát thải khí nhà kính tại cơ sở; tuân thủ quy trình đăng ký, cập nhật thông tin phát thải khí nhà kính, giao dịch hạn ngạch phát thải khí nhà kính (nếu có), thực hiện quy trình nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon cho lượng phát thải khí nhà kính của năm liền trước theo quy định;

g) Cơ sở được phân bổ hạn ngạch chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với hạn ngạch được cấp; phối hợp cung cấp đầy đủ thông tin, số liệu chính xác cho các cơ quan quản lý nhà nước phục vụ công tác đánh giá, hoàn thiện phương pháp phân bổ hạn ngạch cho giai đoạn sau năm 2028.

2. Giai đoạn từ năm 2029

a) Giai đoạn từ năm 2029 là giai đoạn vận hành chính thức và bắt buộc tuân thủ hạn ngạch phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở phát thải khí nhà kính được phân bổ hạn ngạch; mở rộng phạm vi phân bổ hạn ngạch sang các ngành, lĩnh vực khác theo lộ trình giảm phát thải khí nhà kính quốc gia nhằm thực hiện mục tiêu Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC);

b) Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thống nhất, ban hành phương pháp phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính trong phạm vi quản lý, rà soát, đề xuất danh mục cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính và lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính phân bổ hằng năm cho từng cơ sở thuộc phạm vi quản lý, cập nhật lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính lên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trước ngày 31 tháng 12 hằng năm;

c) Cơ chế phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính được thực hiện thông qua phương thức phân bổ miễn phí có điều kiện trên cơ sở định mức phát thải khí nhà kính trên đơn vị sản phẩm kết hợp với phương thức đấu giá; Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng và Bộ Tài chính quy định tỷ lệ đấu giá và quy chế đấu giá hạn ngạch phát thải khí nhà kính trong từng thời kỳ;

d) Áp dụng đầy đủ các hình thức thuế, phí đối với các hoạt động đấu giá, trao đổi, cho vay, vay mượn, chuyển giao và nộp trả hạn ngạch; doanh thu từ hoạt động đấu giá hạn ngạch phát thải khí nhà kính được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, ưu tiên tái đầu tư cho các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính và đổi mới công nghệ xanh;

đ) Áp dụng chế tài xử phạt vi phạm hành chính và cơ chế phạt tài chính đối với các cơ sở không tuân thủ nghĩa vụ nộp trả phát thải khí nhà kính; lượng phát thải khí nhà kính vượt quá hạn ngạch phát thải khí nhà kính mà không có lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính hoặc tín chỉ các-bon bù trừ hợp pháp sẽ bị khấu trừ trực tiếp vào hạn ngạch phát thải khí nhà kính phân bổ của năm tiếp theo;

e) Hoạt động kiểm kê khí nhà kính và báo cáo phát thải khí nhà kính hằng năm của cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính phải được thẩm định bởi đơn vị thẩm định độc lập quy định tại Điều XX Nghị định này khi cập nhật lên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon. Chi phí thẩm định do cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính tự chi trả theo quy định.

3. Chi phí thực hiện các hoạt động xây dựng lộ trình, rà soát, đánh giá và phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính trong giai đoạn thí điểm đến năm 2030 và giai đoạn chính thức sau năm 2030 được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

Điều 20. Điều chỉnh hạn ngạch phát thải khí nhà kính

1. Trường hợp cơ sở phát thải khí nhà kính được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính giải thể, phá sản hoặc đóng cửa ngừng hoạt động hoàn toàn:

a) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định giải thể, phá sản hoặc dừng hoạt động, cơ sở có trách nhiệm báo cáo Bộ quản lý lĩnh vực và Bộ Nông nghiệp và Môi trường và thực hiện nộp trả lượng hạn ngạch tương ứng với lượng phát thải thực tế phát sinh tính đến thời điểm dừng hoạt động.

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện hủy bỏ toàn bộ số lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính chưa sử dụng của cơ sở trên Hệ thống đăng ký quốc gia sau khi cơ sở đã hoàn thành nghĩa vụ nộp trả.

2. Trường hợp sáp nhập, hợp nhất các cơ sở phát thải khí nhà kính được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính:

a) Cơ sở mới hình thành sau khi sáp nhập, hợp nhất được kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ về quản lý hạn ngạch phát thải khí nhà kính và lượng hạn ngạch chưa sử dụng của các cơ sở bị sáp nhập, hợp nhất.

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hoàn tất thủ tục sáp nhập, hợp nhất, cơ sở mới có trách nhiệm nộp hồ sơ thông báo thay đổi kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới về Bộ quản lý lĩnh vực và Bộ Nông nghiệp và Môi trường để điều chỉnh, cập nhật tên chủ tài khoản và số dư hạn ngạch trên Hệ thống đăng ký quốc gia.

3. Trường hợp chia, tách cơ sở phát thải khí nhà kính được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính:

a) Các cơ sở mới hình thành từ việc chia, tách có trách nhiệm thỏa thuận về việc phân chia lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính đã được phân bổ cho giai đoạn tương ứng với tỷ lệ quy mô, sản lượng phát thải của từng đơn vị mới và báo cáo Bộ quản lý lĩnh vực và Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Trường hợp các bên không thỏa thuận được, Bộ quản lý lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định điều chỉnh lại hạn ngạch phân bổ cho từng cơ sở mới theo kế hoạch sản xuất kinh doanh thực tế.

4. Trường hợp thay đổi pháp nhân, chuyển nhượng, thay đổi chủ sở hữu cơ sở phát thải khí nhà kính được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính:

a) Quyền sở hữu hạn ngạch phát thải khí nhà kính đã được cấp cho cơ sở được chuyển giao cho pháp nhân, chủ sở hữu mới nhận chuyển nhượng cơ sở, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật.

b) Chủ sở hữu mới có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ kiểm kê khí nhà kính, báo cáo và nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho toàn bộ giai đoạn phân bổ theo quy định.

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất chuyển nhượng, chủ sở hữu mới gửi văn bản đề nghị điều chỉnh thông tin tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5. Trường hợp cơ sở phát thải khí nhà kính được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính thay đổi quy mô, công suất hoặc sản lượng thực tế trong giai đoạn được phân bổ hạn ngạch:

a) Hạn ngạch phát thải khí nhà kính đã phân bổ cho cơ sở được xem xét điều chỉnh tăng hoặc giảm trên Hệ thống đăng ký quốc gia trong các trường hợp: cơ sở thực hiện đầu tư mở rộng, nâng công suất thiết kế hoặc quy mô sản xuất; cơ sở giảm công suất, thu hẹp quy mô hoặc ngừng vận hành một phần dây chuyền sản xuất từ 06 tháng liên tục trở lên; sản lượng sản xuất thực tế hằng năm tăng hoặc giảm từ 20% trở lên so với sản lượng tính toán phân bổ ban đầu.

b) Trường hợp điều chỉnh tăng hạn ngạch do tăng công suất, quy mô hoặc sản lượng: chậm nhất trước ngày 31 tháng 10 hằng năm, cơ sở gửi công văn đề nghị điều chỉnh hạn ngạch, giải trình biến động sản lượng, công suất kèm theo văn bản chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc Giấy phép môi trường điều chỉnh nếu có đến Bộ quản lý lĩnh vực và Bộ Nông nghiệp và Môi trường; trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ quản lý lĩnh vực rà soát, tính toán lại hạn ngạch dựa trên định mức phát thải trên đơn vị sản phẩm và đề xuất Bộ Nông nghiệp và Môi trường; trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đề xuất, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định điều chỉnh bổ sung và cập nhật hạn ngạch tăng thêm vào tài khoản của cơ sở trên Hệ thống đăng ký quốc gia.

c) Trường hợp điều chỉnh giảm hoặc thu hồi hạn ngạch do giảm công suất, thu hẹp quy mô, ngừng vận hành hoặc giảm sản lượng: cơ sở có trách nhiệm báo cáo Bộ quản lý lĩnh vực và Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có sự thay đổi; hằng năm, căn cứ báo cáo kiểm kê khí nhà kính đã được thẩm định, trường hợp phát hiện sản lượng thực tế sụt giảm từ 20% trở lên mà cơ sở không báo cáo, Bộ quản lý lĩnh vực chủ trì xác minh, đề xuất Bộ Nông nghiệp và Môi trường ra quyết định điều chỉnh giảm và thực hiện khấu trừ, thu hồi số hạn ngạch chênh lệch tương ứng trên Hệ thống đăng ký quốc gia trước thời hạn nộp trả

hạn ngạch hằng năm.

Điều 21. Thẩm định báo cáo kiểm kê khí nhà kính cơ sở được phân bổ hạn ngạch

1. Báo cáo kiểm kê khí nhà kính của cơ sở phát thải khí nhà kính được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính phải được thẩm định bởi tổ chức được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, có năng lực chuyên môn phù hợp để thực hiện hoạt động thẩm định kiểm kê khí nhà kính và thẩm định giảm phát thải khí nhà kính.

2. Tổ chức thực hiện thẩm định Báo cáo kiểm kê khí nhà kính của cơ sở phát thải khí nhà kính được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính có trách nhiệm sau:

a) Thực hiện kiểm tra, xác nhận tính chính xác, trung thực và độ tin cậy của báo cáo kiểm kê khí nhà kính của các cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính theo quy định;

b) Xác nhận lượng phát thải khí nhà kính thực tế phát sinh trong năm tuân thủ của cơ sở làm căn cứ pháp lý để cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính cập nhật lên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon và thực hiện nghĩa vụ nộp trả, bù trừ hoặc giao dịch hạn ngạch theo quy định;

c) Lập báo cáo kết quả thẩm định kiểm kê khí nhà kính của cơ sở được phân bổ hạn ngạch theo đúng biểu mẫu, quy trình kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng ban hành bảo đảm tuân thủ nguyên tắc độc lập, khách quan, trung thực;

d) Thẩm định báo cáo kiểm kê khí nhà kính của cơ sở phát thải khí nhà kính được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính theo đúng lĩnh vực ghi trong giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận; không được thực hiện dịch vụ thẩm định cho các cơ sở mà đơn vị đã tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng báo cáo kiểm kê khí nhà kính hoặc tư vấn lập kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong cùng một kỳ báo cáo;

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cơ quan quản lý nhà nước về tính chính xác của kết quả thẩm định và các số liệu do đơn vị xác nhận;

e) Giải trình về kết quả thẩm định trước các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình rà soát, kiểm tra hoặc khi có khiếu nại, tranh chấp liên quan đến số liệu phát thải và hạn ngạch của cơ sở;

g) Bảo mật toàn bộ thông tin, số liệu hoạt động, bí mật công nghệ và sản xuất của cơ sở được thẩm định theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp phải cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 22. Nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính

1. Đối với mỗi giai đoạn phân bổ, cơ sở có trách nhiệm nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính cho Nhà nước. Lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính nộp trả phải tối thiểu bằng với kết quả kiểm kê khí nhà kính từ các nguồn phát thải trực tiếp trong giai đoạn được phân bổ của cơ sở trừ đi lượng tín chỉ các-bon đã bù trừ;

2. Cơ sở có trách nhiệm cập nhật báo cáo kết quả kiểm kê khí nhà kính đã được thẩm định trước ngày 01 tháng 12 hằng năm kể từ năm 2027 trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon. Cơ sở tự thực hiện nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính tại Hệ thống đăng ký quốc gia trước ngày 31 tháng 12 của năm kế tiếp giai đoạn được phân bổ quy định tại Điều XX Nghị định này;

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện hủy bỏ hạn ngạch đã được nộp trả trên Hệ thống đăng ký quốc gia;

4. Nhà nước khuyến khích các cơ sở tự nguyện nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính nhiều hơn kết quả kiểm kê khí nhà kính từ các nguồn phát thải trực tiếp trong giai đoạn được phân bổ, góp phần thực hiện mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia;

5. Cơ sở được phép áp dụng các hình thức trao đổi, vay mượn, chuyển giao hạn ngạch phát thải khí nhà kính quy định tại Điều XX, Điều XX, Điều XX Nghị định này và sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ phát thải khí nhà kính quy định tại khoản 5 Điều này để thực hiện trách nhiệm nộp trả;

6. Cơ sở không thực hiện đầy đủ trách nhiệm nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Đồng thời, lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính nộp trả còn thiếu sẽ bị trừ vào hạn ngạch phân bổ của cơ sở cho giai đoạn kế tiếp.

Điều 23. Vay mượn hạn ngạch phát thải khí nhà kính

1. Trong giai đoạn đến hết năm 2030, cơ sở có thể vay mượn lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ cho giai đoạn kế tiếp của chính cơ sở đó để đảm bảo hoạt động nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính của giai đoạn hiện tại. Số lượng hạn ngạch vay mượn không vượt quá 15% lượng hạn ngạch đã được phân bổ cho giai đoạn được phân bổ và không được sử dụng để trao đổi;

2. Cơ sở tự thực hiện vay mượn hạn ngạch phát thải khí nhà kính trên Hệ thống đăng ký quốc gia trước khi nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính của giai đoạn được phân bổ.

Điều 24. Chuyển giao hạn ngạch phát thải khí nhà kính

1. Trong giai đoạn đến hết năm 2030, cơ sở có thể chuyển giao lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính chưa sử dụng hết sau khi hoàn thành nộp trả của giai đoạn hiện tại sang giai đoạn kế tiếp. Số lượng hạn ngạch chuyển giao được sử dụng để trao đổi;

2. Cơ sở tự thực hiện chuyển giao hạn ngạch phát thải khí nhà kính trên Hệ thống đăng ký quốc gia sau khi nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính của giai đoạn được phân bổ;

3. Sau 30 ngày kể từ thời hạn nộp trả hạn ngạch phát thải khí nhà kính của giai đoạn được phân bổ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện hủy bỏ số lượng hạn ngạch của các giai đoạn được phân bổ trước đó không được chuyển giao hoặc/và nộp trả của cơ sở trên Hệ thống đăng ký quốc gia, đồng thời gửi, cập nhật dữ liệu cho các đơn vị vận hành Sàn giao dịch các-bon.

Mục 3

TÍN CHỈ CÁC-BON [CƠ CHẾ TRAO ĐỔI, BÙ TRỪ TÍN CHỈ CÁC-BON TRONG NƯỚC]

Điều 25. Nguyên tắc [quản lý tín chỉ các-bon trong nước]

1. Bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch.
2. [Quản lý dự án giảm phát thải khí nhà kính tạo tín chỉ các-bon trong nước được thực hiện thông qua các bước]:
 - a) Đăng ký dự án giảm phát thải khí nhà kính tạo tín chỉ các-bon;
 - b) Đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm phát thải khí nhà kính và cấp tín chỉ các-bon đối với các dự án thực hiện theo tiêu chuẩn các-bon trong nước;
 - d) Công nhận tín chỉ các-bon đã được cấp bởi tổ chức quản lý tiêu chuẩn các-bon độc lập;
3. Việc cấp, hủy đăng ký, mua, bán, chuyển nhượng tín chỉ các-bon và sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ hạn ngạch phát thải khí nhà kính phải được ghi nhận trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.
4. Tín chỉ các-bon được phép mua, bán, chuyển nhượng trên thị trường các-bon trong nước là các tín chỉ các-bon được cấp cho các dự án giảm phát thải khí nhà kính thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Dự án giảm phát thải khí nhà kính đăng ký theo Cơ chế Điều 6.4;
 - b) Dự án giảm phát thải khí nhà kính đăng ký theo Thỏa thuận Điều 6.2 mà Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một bên ký kết;
 - b) Dự án giảm phát thải khí nhà kính đăng ký theo Tiêu chuẩn các-bon độc lập và được [chấp thuận] [công nhận] theo Thỏa thuận Điều 6.2 mà Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một bên ký kết;
 - c) Dự án giảm phát thải khí nhà kính đăng ký theo các tiêu chuẩn các-bon độc lập theo quy định tại Nghị định này;
 - d) Dự án giảm phát thải khí nhà kính đăng ký theo Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước.
5. [Chủ thể] [Quyền] sở hữu tín chỉ các-bon
 - a) Tổ chức, cá nhân được quyền sở hữu, hủy đăng ký, mua, bán, chuyển nhượng tín chỉ các-bon quy định tại khoản được cấp theo Cơ chế trao đổi, bù trừ

tín chỉ các-bon trong nước hoặc được công nhận bởi Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) Tín chỉ các-bon được cấp hoặc công nhận cho các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước hoặc đầu tư công thuộc quyền sở hữu của Nhà nước và được quản lý theo pháp luật về tài sản công.

6. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư thực hiện dự án giảm phát thải khí nhà kính tạo tín chỉ các-bon có trách nhiệm tìm hiểu quy định pháp luật, thông tin về các Tiêu chuẩn các-bon, Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế và tự chịu trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình.

7. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định pháp luật về các hoạt động liên quan đến theo quy định tại Nghị định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử lý theo quy định pháp luật hình sự hoặc xử phạt vi phạm hành chính, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật. Các hành vi vi phạm hành chính cụ thể liên quan đến mức phạt, hình thức xử phạt và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Điều 26. Cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước

1. Các bên tham gia Cơ chế trao đổi bù trừ tín chỉ các-bon trong nước bao gồm cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư dự án giảm phát thải khí nhà kính tạo tín chỉ các-bon, đơn vị thẩm định và các đơn vị trung gian

...

2. Quy trình tham gia Cơ chế trao đổi bù trừ tín chỉ các-bon trong nước bao gồm các bước sau:

- a) Đăng ký dự án theo quy định tại Điều xx, Điều xx Nghị định này;
- b) Triển khai dự án;
- c) Thực hiện đo đạc, báo cáo, thẩm định theo quy định tại Điều xx Nghị định này;
- d) Thực hiện cấp tín chỉ các-bon theo quy định tại Điều 33 Nghị định này;

3. Trong thời gian thực hiện dự án, chủ đầu tư có quyền thực hiện:

- a) Thay đổi thành phần tham gia dự án theo quy định tại Điều 29 Nghị định này;
- b) Hủy đăng ký dự án theo quy định tại Điều xx Nghị định này.

c) Điều chỉnh, bổ sung nội dung của tài liệu thiết kế dự án và các tài liệu khác có liên quan theo quy định tại Điều Nghị định này

4. Đơn vị thẩm định dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước

a) Đơn vị thẩm định là tổ chức được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận theo quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

b) Đơn vị thẩm định thực hiện thẩm định hồ sơ dự án theo yêu cầu của tổ chức đề nghị đăng ký, điều chỉnh dự án quy định tại khoản 6 Điều này và theo yêu cầu của tổ chức đề nghị cấp tín chỉ các-bon quy định tại khoản 9 Điều này.

Điều 27. Đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước

1. Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án và thời hạn nộp hồ sơ

a) Thời điểm bắt đầu thực hiện dự án tạo tín chỉ các-bon được xác định là ngày sớm nhất phát sinh cam kết tài chính hoặc hành động thực tế có tính chất quyết định để triển khai dự án;

b) Để bảo đảm tính bổ sung của dự án, hồ sơ đề nghị đăng ký dự án phải được gửi tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày bắt đầu thực hiện dự án quy định tại điểm a khoản này. Trường hợp dự án đã bắt đầu thực hiện trước khi nộp hồ sơ, thời điểm nộp hồ sơ đăng ký không được muộn hơn 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thực hiện dự án và chủ đầu tư phải cung cấp tài liệu chứng minh việc cân nhắc áp dụng cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon đã được thực hiện trước ngày bắt đầu dự án;

c) Không tiếp nhận hồ sơ đăng ký đối với các dự án có thời điểm bắt đầu thực hiện trước ngày 01 tháng 01 năm 2021.

2. Cơ quan, tổ chức có đề nghị đăng ký dự án lựa chọn phương pháp tạo tín chỉ các-bon quy định tại khoản ... Điều ... và gửi hồ sơ đăng ký dự án tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên theo một trong các hình thức: trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị đăng ký hoặc điều chỉnh đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước theo Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;

Tài liệu thiết kế dự án theo Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;

Kế hoạch giám sát dự án theo Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;

Kế hoạch thực hiện phát triển bền vững theo Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;

Phương thức liên lạc theo Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;

Bản sao các loại giấy phép liên quan đến hoạt động chuyên môn của dự án theo quy định pháp luật hiện hành;

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo cho cơ quan, tổ chức về tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có thông báo. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn thực hiện thủ tục đăng ký, điều chỉnh dự án;

4. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ đăng tải hồ sơ đề nghị đăng ký dự án trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến rộng rãi trong thời gian 30 ngày;

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc lấy ý kiến rộng rãi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ tổng hợp ý kiến và thông báo cho cơ quan, tổ chức nộp hồ sơ;

6. Cơ quan, tổ chức hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến tại thông báo và gửi đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này để thực hiện thẩm định. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan, tổ chức gửi hồ sơ đề nghị đăng ký dự án đã hoàn thiện kèm báo cáo thẩm định tài liệu dự án theo Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ.

Đơn vị thẩm định quy định tại khoản ... Điều ... lựa chọn thực hiện thẩm định tài liệu dự án trước, trong hoặc sau thời hạn lấy ý kiến rộng rãi;

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đăng ký dự án đã hoàn thiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo cho cơ quan, tổ chức đề xuất về tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan, tổ chức đề xuất hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày có thông báo. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn thực hiện thủ tục đăng ký, điều chỉnh dự án;

8. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ gửi hồ sơ tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các khu vực thực hiện dự án (nếu có) và các cơ quan, tổ chức liên quan lấy ý kiến về việc phê duyệt đăng ký dự án. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến;

9. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của địa phương liên quan có ý kiến không đồng thuận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo từ chối phê duyệt đăng ký cho cơ quan, tổ chức và nêu rõ lý do.

Trường hợp có đủ ý kiến đồng thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của địa phương liên quan, trong thời hạn 07 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan, tổ chức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ tổ chức đánh giá theo các nội dung: biện pháp giảm phát thải khí nhà kính, phương pháp tạo tín chỉ các-bon, các tham số giám sát hoạt động dự án; phê duyệt đăng ký hoặc điều

chính đăng ký dự án bằng quyết định theo Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này; gửi cho cơ quan, tổ chức đề nghị đăng ký, thông báo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của địa phương liên quan (nếu có) và công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia; trường hợp không phê duyệt đăng ký phải nêu rõ lý do;

10. Cơ quan, tổ chức có nhu cầu điều chỉnh quy mô, công suất của dự án đã được đăng ký thực hiện theo trình tự đề nghị đăng ký dự án quy định tại Điều này.

11. Đối với dự án đầu tư công

a) Tổ chức được giao làm chủ đầu tư dự án đầu tư công hoặc đơn vị được giao quản lý, vận hành công trình sử dụng vốn đầu tư công có trách nhiệm lập hồ sơ đăng ký dự án theo quy định tại Điều này. Việc nộp hồ sơ chỉ được thực hiện sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công đó;

b) Toàn bộ lượng tín chỉ các-bon hình thành từ dự án đầu tư công thuộc sở hữu của Nhà nước. Việc quản lý, sử dụng, lưu ký và chuyển nhượng lượng tín chỉ các-bon này phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công;

c) Lượng tín chỉ các-bon phát sinh từ dự án đầu tư công được ưu tiên sử dụng để thực hiện nghĩa vụ đóng góp giảm phát thải khí nhà kính trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của quốc gia hoặc của bộ quản lý lĩnh vực, địa phương quyết định đầu tư. Trường hợp được phép chuyển nhượng, trao đổi trên thị trường các-bon trong nước hoặc quốc tế, toàn bộ nguồn thu thu được phải được nộp vào ngân sách nhà nước và được ưu tiên bố trí để tái đầu tư cho các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính và đổi mới công nghệ xanh;

d) Kinh phí chi trả cho các hoạt động đo đạc, báo cáo, thẩm định độc lập, đăng ký tài khoản và đăng ký dự án đầu tư công để tạo tín chỉ các-bon được bố trí từ nguồn vốn chuẩn bị đầu tư của dự án hoặc nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của cơ quan chủ quản theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 28. Thay đổi thành phần tham gia dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước

1. Cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký gửi hồ sơ đề nghị thay đổi thành phần tham gia dự án tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đăng ký dự án trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án trong trường hợp dự án trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên theo một trong các hình thức: trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị thay đổi thành phần tham gia dự án theo Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;

Phương thức liên lạc bổ sung theo Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện thay đổi thành phần tham gia dự án theo đề nghị của cơ quan, tổ chức và công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia;

3. Tổ chức có trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ đã cam kết chịu trách nhiệm với các bên liên quan theo quy định của pháp luật do quyết định điều chỉnh tham gia dự án.

Điều 29. Hủy đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước

1. Cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký gửi hồ sơ đề nghị tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đăng ký dự án trong trường hợp dự án đăng ký trên 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án trong trường hợp dự án trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên theo một trong các hình thức: trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị hủy đăng ký dự án theo Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;

Phương thức liên lạc theo Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện hủy đăng ký dự án theo đề nghị của tổ chức trên Hệ thống đăng ký quốc gia;

3. Tổ chức có trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ đã cam kết và chịu trách nhiệm với các bên liên quan theo quy định của pháp luật do quyết định hủy đăng ký dự án.

Điều 30. Đo đạc, báo cáo, thẩm định kết quả giảm phát thải khí nhà kính đối với các dự án thực hiện theo tiêu chuẩn các-bon trong nước

1. Cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký gửi hồ sơ đề nghị tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đăng ký dự án trong trường hợp dự án đăng ký trên 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án trong trường hợp dự án trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên theo một trong các hình thức: trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị hủy đăng ký dự án theo Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;

Phương thức liên lạc theo Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ thực hiện hủy đăng ký dự án theo đề nghị của tổ chức trên Hệ thống đăng ký quốc gia;

3. Tổ chức có trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ đã cam kết và chịu trách nhiệm với các bên liên quan theo quy định của pháp luật do quyết định hủy đăng ký dự án.

Điều 31. Cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước

1. Cơ quan, tổ chức là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký gửi hồ sơ đề nghị cấp tín chỉ các-bon tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đăng ký dự án trong trường hợp dự án đăng ký trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh hoặc tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án trong trường hợp dự án trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên theo một trong các hình thức: trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Hồ sơ gồm:

Đơn đề nghị cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước theo Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;

Báo cáo giám sát dự án theo Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;

Báo cáo thẩm định kết quả giảm nhẹ dự án theo Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này do đơn vị thẩm định quy định tại khoản ... Điều ... này thực hiện;

Báo cáo phát triển bền vững theo Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức đề nghị về tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức đề nghị hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 05 ngày kể từ ngày có thông báo.

Sau 15 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo, trường hợp tổ chức không gửi hồ sơ đã được hoàn thiện theo văn bản thông báo thì phải thực hiện nộp lại hồ sơ như lần đầu;

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ gửi hồ sơ tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các khu vực thực hiện dự án (nếu có) và các cơ quan, tổ chức liên quan lấy ý kiến về việc cấp tín chỉ các-bon cho dự án. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến;

4. Trong thời hạn 15 ngày sau khi nhận được ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan và được sự đồng thuận bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của các khu vực thực hiện dự án (nếu có), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tiếp nhận hồ sơ quyết định cấp tín chỉ các-bon thông báo cho tổ chức đề nghị và công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia; trường hợp không cấp tín chỉ các-bon phải nêu rõ lý do.

Điều 32. Tiêu chuẩn các-bon, phương pháp tạo tín chỉ các-bon

1. Tiêu chuẩn các-bon được xem xét, công nhận khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Bảo đảm tư cách pháp lý, chức năng và trách nhiệm trong việc xây dựng, quản lý và vận hành tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật của quốc gia nơi tổ chức được thành lập và các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam;

b) Có cơ cấu quản trị rõ ràng, minh bạch, độc lập và có trách nhiệm giải trình; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, bộ phận và cá nhân tham gia quản lý, vận hành tiêu chuẩn; có cơ chế phòng ngừa, nhận diện và xử lý xung đột lợi ích;

c) Bảo đảm tính minh bạch thông qua việc công khai các quy định, quy trình và thông tin chủ yếu liên quan đến hoạt động của tiêu chuẩn, bao gồm đăng ký hoạt động tạo tín chỉ, thẩm định, thẩm tra, phát hành, chuyển nhượng, hủy và quản lý tín chỉ các-bon; bảo đảm khả năng tiếp cận, tra cứu và kiểm chứng thông tin;

d) Có hệ thống đăng ký và theo dõi tín chỉ các-bon bảo đảm mỗi tín chỉ được phát hành có mã số hoặc số sê-ri duy nhất, có khả năng truy xuất nguồn gốc và theo dõi đầy đủ vòng đời từ phát hành, chuyển nhượng đến hủy hoặc loại bỏ khỏi lưu thông; bảo đảm tín chỉ đã hủy hoặc loại bỏ không được phát hành, chuyển nhượng hoặc sử dụng lại;

đ) Bảo đảm tính toàn vẹn môi trường của tín chỉ các-bon, phù hợp với các nguyên tắc về tính thực tế, tính bổ sung, khả năng định lượng, khả năng kiểm chứng, tính lâu dài đối với các hoạt động có nguy cơ đảo ngược lượng các-bon đã hấp thụ, tính đầy đủ, tính chính xác và tính thận trọng;

e) Có quy định về việc thẩm định, thẩm tra độc lập đối với hoạt động tạo tín chỉ và kết quả giảm phát thải hoặc tăng cường hấp thụ khí nhà kính trước khi tín chỉ được phát hành; tổ chức thực hiện thẩm định, thẩm tra phải đáp ứng yêu cầu về năng lực, tính độc lập và kiểm soát xung đột lợi ích theo quy định của tiêu chuẩn và pháp luật có liên quan;

g) Có quy định về điều kiện và quy trình phát hành, chuyển nhượng, hủy, thu hồi và quản lý tín chỉ các-bon; có cơ chế xử lý tín chỉ trong trường hợp phát hiện sai sót, gian lận, vi phạm hoặc kết quả giảm phát thải, tăng cường hấp thụ khí nhà kính không đáp ứng yêu cầu sau khi tín chỉ đã được phát hành;

h) Có cơ chế phòng ngừa, phát hiện và xử lý việc trùng lặp trong phát hành, sử dụng và ghi nhận tín chỉ các-bon, bao gồm trùng lặp trong phát hành tín chỉ, sử dụng một tín chỉ nhiều lần và ghi nhận hoặc tuyên bố trùng lặp cùng một kết quả giảm phát thải hoặc tăng cường hấp thụ khí nhà kính;

i) Có các yêu cầu và cơ chế bảo đảm môi trường, xã hội và quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan; có cơ chế tham vấn các bên liên quan và tiếp nhận, xem xét, giải quyết khiếu nại, phản ánh và tranh chấp liên quan đến hoạt động của tiêu chuẩn;

k) Có cơ chế giám sát việc tuân thủ, xử lý vi phạm và cải tiến liên tục; quy định việc rà soát, cập nhật tiêu chuẩn khi có thay đổi về khoa học, công nghệ, pháp

luật, yêu cầu về tính toàn vẹn môi trường hoặc phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng đến chất lượng tín chỉ các-bon;

1) Bảo đảm khả năng cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin về hoạt động tạo tín chỉ, tín chỉ các-bon và tình trạng sử dụng tín chỉ cho cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phục vụ công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu và thị trường các-bon;

2. Việc đánh giá, công nhận tiêu chuẩn các-bon được thực hiện trên cơ sở hồ sơ do tổ chức quản lý tiêu chuẩn cung cấp và kết quả đánh giá của cơ quan, tổ chức hoặc hội đồng chuyên gia có năng lực theo quy định.

3. Trường hợp tiêu chuẩn các-bon có những nội dung chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này nhưng có thể khắc phục mà không ảnh hưởng đến tính toàn vẹn môi trường và tính minh bạch của tiêu chuẩn, cơ quan có thẩm quyền xem xét công nhận có điều kiện và yêu cầu tổ chức quản lý tiêu chuẩn thực hiện biện pháp khắc phục trong thời hạn quy định.

4. Khi có thay đổi quan trọng về cơ cấu quản trị, quy định, phương thức vận hành, hệ thống đăng ký, cơ chế phát hành tín chỉ hoặc các yếu tố khác có khả năng ảnh hưởng đến việc đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức quản lý tiêu chuẩn các-bon được công nhận phải báo cáo và đề xuất cơ quan quản lý có thẩm quyền để phê duyệt.

5. Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục và tiêu chí đánh giá, công nhận tiêu chuẩn các-bon.

Điều 33. Xây dựng tiêu chuẩn các-bon, phương pháp tạo tín chỉ các-bon

1. Phương pháp luận tạo tín chỉ các-bon được phân loại theo một hoặc nhiều loại hình hoạt động giảm phát thải hoặc tăng cường hấp thụ khí nhà kính nhằm phục vụ việc đánh giá, quản lý và áp dụng phương pháp luận phù hợp với từng loại hình hoạt động.

2. Việc phân loại phương pháp luận tạo tín chỉ các-bon được thực hiện trên cơ sở đặc điểm của hoạt động giảm phát thải hoặc tăng cường hấp thụ khí nhà kính, nguồn và bể hấp thụ khí nhà kính, công nghệ hoặc biện pháp giảm phát thải, phương pháp định lượng và các đặc điểm kỹ thuật có liên quan.

3. Phương pháp luận tạo tín chỉ các-bon được sử dụng trong tiêu chuẩn các-bon đã được công nhận phải được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận trước khi áp dụng cho hoạt động tạo tín chỉ các-bon tại Việt Nam.

4. Phương pháp luận được công nhận khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với phạm vi, loại hình hoạt động và điều kiện áp dụng được xác định trong phương pháp luận;

b) Bảo đảm tính phù hợp, đầy đủ, nhất quán, chính xác, minh bạch và thận trọng trong xác định và định lượng kết quả giảm phát thải hoặc tăng cường hấp thụ khí nhà kính;

c) Có phương pháp xác định đường cơ sở và tính bổ sung phù hợp với loại hình hoạt động;

d) Có phương pháp định lượng kết quả giảm phát thải hoặc tăng cường hấp thụ khí nhà kính dựa trên cơ sở khoa học, dữ liệu có thể kiểm chứng và các giả định hợp lý;

đ) Có quy định về thu thập, quản lý, kiểm soát chất lượng và lưu trữ dữ liệu, các tham số và hệ số sử dụng trong tính toán;

e) Có phương pháp xác định và xử lý độ không chắc chắn, rò rỉ phát thải và các yếu tố có thể dẫn đến phát hành tín chỉ vượt quá lượng giảm phát thải hoặc tăng cường hấp thụ khí nhà kính thực tế;

g) Đối với hoạt động tăng cường hấp thụ khí nhà kính hoặc hoạt động có nguy cơ đảo ngược lượng các-bon đã hấp thụ, có phương pháp đánh giá, theo dõi và xử lý rủi ro đảo ngược;

h) Có yêu cầu về theo dõi, đo lường, báo cáo và kiểm soát chất lượng dữ liệu, bảo đảm khả năng thẩm định, thẩm tra độc lập;

i) Có khả năng áp dụng phù hợp với hệ thống đăng ký, theo dõi tín chỉ các-bon và các yêu cầu quản lý của Việt Nam;

k) Không tạo ra nguy cơ đáng kể về phát hành tín chỉ vượt quá lượng giảm phát thải hoặc tăng cường hấp thụ khí nhà kính thực tế.

5. Phương pháp luận tạo tín chỉ các-bon đã được tổ chức quản lý tiêu chuẩn các-bon xây dựng, ban hành hoặc công nhận được xem xét công nhận theo quy định tại Điều này trên cơ sở đánh giá mức độ đáp ứng các yêu cầu của Việt Nam. Việc phương pháp luận tạo tín chỉ các-bon đã được tổ chức quản lý tiêu chuẩn các-bon công nhận không đương nhiên được coi là đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận.

6. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết việc phân loại, tiêu chí đánh giá, công nhận, rà soát và cập nhật phương pháp luận tạo tín chỉ các-bon.

Điều 34. Công nhận tiêu chuẩn các-bon, phương pháp tạo tín chỉ các-bon

1. Công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon do tổ chức, cá nhân đề xuất

a) Tổ chức, cá nhân có đề nghị công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon gửi hồ sơ tới bộ quản lý lĩnh vực quy định tại khoản ... Điều ... Nghị định này theo một trong các hình thức: trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon theo Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;

Tài liệu phương pháp tạo tín chỉ các-bon theo Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon, bộ quản lý lĩnh vực thông báo cho tổ chức, cá nhân về tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày có thông báo. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn thực hiện thủ tục công nhận, điều chỉnh phương pháp;

c) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, bộ quản lý lĩnh vực đăng tải hồ sơ đề nghị công nhận, điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ các-bon trên trang thông tin điện tử của bộ quản lý lĩnh vực để lấy ý kiến rộng rãi trong thời gian 15 ngày;

d) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc lấy ý kiến rộng rãi, bộ quản lý lĩnh vực tổ chức đánh giá phương pháp tạo tín chỉ các-bon bằng hình thức thành lập Hội đồng đánh giá.

Hội đồng đánh giá có ít nhất 09 thành viên, bao gồm Chủ tịch hội đồng, Phó Chủ tịch hội đồng, Ủy viên thư ký, 02 Ủy viên phản biện và ít nhất 04 Ủy viên hội đồng. Các Ủy viên hội đồng là đại diện cơ quan có liên quan trực thuộc bộ quản lý lĩnh vực và các chuyên gia có chuyên môn phù hợp.

Nội dung đánh giá bao gồm: biện pháp giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với mục tiêu và định hướng theo kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của lĩnh vực; phương pháp tính lượng phát thải khí nhà kính khi chưa áp dụng, khi áp dụng biện pháp giảm phát thải khí nhà kính và các tham số giám sát hoạt động dự án rõ ràng, minh bạch; đáp ứng các yêu cầu quy định kỹ thuật về đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm phát thải khí nhà kính của các bộ quản lý lĩnh vực; khả năng mở rộng quy mô, áp dụng rộng rãi để đạt được hiệu quả giảm phát thải khí nhà kính.

Hội đồng đánh giá tổ chức họp khi có sự tham gia (hiện diện trực tiếp tại phiên họp hoặc tham gia họp trực tuyến) từ hai phần ba trở lên số lượng thành viên Hội đồng đánh giá, trong đó bắt buộc phải có Chủ tịch hội đồng hoặc Phó Chủ tịch hội đồng, Ủy viên thư ký và ít nhất 01 Ủy viên phản biện.

Chủ tịch hội đồng có trách nhiệm: điều hành các cuộc họp Hội đồng hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch hội đồng; xử lý các ý kiến được nêu trong cuộc họp của Hội đồng, kết luận cuộc họp Hội đồng và chịu trách nhiệm về các kết luận của Hội đồng; ký biên bản cuộc họp Hội đồng và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực của các nội dung ghi trong biên bản cuộc họp Hội đồng.

Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá theo Mẫu số ..., Biên bản họp Hội đồng theo Mẫu số ..., Phiếu đánh giá của thành viên Hội đồng theo Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả đánh giá của Hội đồng, bộ quản lý lĩnh vực xem xét, quyết định bằng một trong các hình thức sau:

Công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon bằng văn bản theo Mẫu số 03E Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này gửi cho tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận, Bộ Nông nghiệp và Môi trường để công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia.

Có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon bổ sung, hoàn thiện. Thời hạn tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện phương pháp tạo tín chỉ các-bon là không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của bộ quản lý lĩnh vực. Thời gian bổ sung, hoàn thiện phương pháp tạo tín chỉ các-bon không tính vào thời hạn thực hiện thủ tục công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện, bộ quản lý lĩnh vực xem xét, quyết định công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon; gửi quyết định tổ chức, cá nhân và Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia; trường hợp không công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon phải nêu rõ lý do;

e) Phương pháp tạo tín chỉ các-bon của tổ chức, cá nhân được bộ quản lý lĩnh vực công nhận và công bố trên Hệ thống đăng ký quốc gia, việc sử dụng phương pháp tạo tín chỉ các-bon này thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật khác có liên quan;

g) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu điều chỉnh phương pháp tạo tín chỉ các-bon đã được công nhận thực hiện theo trình tự đề nghị công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon quy định tại khoản này;

h) Việc đề nghị công nhận phương pháp tạo tín chỉ các-bon quy định tại khoản này được thực hiện từ 01 tháng 01 năm 2028 trở đi.

Mục 4

VẬN HÀNH THỊ TRƯỜNG CÁC-BON

Điều 35. Lộ trình triển khai thị trường các-bon trong nước (KL71)

1. Giai đoạn đến hết năm 2028

a) Thiết lập, vận hành Hệ thống đăng ký quốc gia, Sàn giao dịch các-bon trong nước;

c) Triển khai cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước;

d) Triển khai các hoạt động tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức về phát triển thị trường các-bon.

Xây dựng tiêu chuẩn, phương pháp tạo tín chỉ các-bon.

2. Giai đoạn từ năm 2029

a) Xây dựng và thực hiện cơ chế đầu giá hạn ngạch phát thải khí nhà kính;

b) Hoàn thiện quy định quản lý tín chỉ các-bon, hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; quy định pháp luật về tổ chức, quản lý, vận hành thị trường các-bon trong nước và tham gia thị trường các-bon thế giới.

Điều 36. Hệ thống đăng ký quốc gia (chuyển xuống thành Điều 41)

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống đăng ký quốc gia; kết nối, chia sẻ

dữ liệu giữa Hệ thống đăng ký quốc gia với hệ thống giao dịch các-bon trong nước. Hệ thống đăng ký quốc gia bao gồm các thành phần sau:

- a) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin;
- b) Phần mềm quản lý thông tin về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon;
- c) Cơ sở dữ liệu về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại Điều ..., khoản 1 Điều ... Nghị định này.

2. Đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia

a) Đối với cơ sở được phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tổ chức tham gia dự án được đăng ký theo các cơ chế tại điểm a và điểm b khoản ... Điều ... Nghị định này, tổ chức tham gia dự án các-bon rừng có diện tích rừng thuộc phạm vi hành chính trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên được Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia và gửi thông tin cho cơ sở, tổ chức;

b) Đối với tổ chức tham gia dự án được đăng ký theo cơ chế tại Điều ... Nghị định này được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia và gửi thông tin cho tổ chức.

c) Đối với tổ chức tham gia chương trình, dự án đăng ký theo cơ chế tại điểm c khoản ... Điều ... Nghị định này, tổ chức gửi hồ sơ đăng ký tài khoản tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo một trong các hình thức: trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

Đơn đề nghị đăng ký theo Mẫu số ... Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;

Tài liệu chương trình, dự án được đăng ký theo quy định của cơ chế;

Phương thức liên lạc của chương trình, dự án được đăng ký theo quy định của cơ chế.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia và gửi thông tin cho tổ chức; trường hợp từ chối cấp tài khoản phải nêu rõ lý do.

3. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định sử dụng Hệ thống đăng ký quốc gia.

Điều 37. Hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon được giao dịch trên Sàn giao dịch các-bon trong nước

1. Hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon được phép trao đổi trên Sàn giao dịch các-bon bao gồm:

a) Hạn ngạch phát thải khí nhà kính quy định tại Điều ... Nghị định này. Một đơn vị hạn ngạch phát thải khí nhà kính thể hiện quyền phát thải bằng 01 tấn CO₂ hoặc 01 tấn CO₂ tương đương;

b) Tín chỉ các-bon được cấp cho kết quả giảm phát thải khí nhà kính từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 của chương trình, dự án thuộc cơ chế quy định tại Điều ... Nghị định này và cơ chế quy định tại điểm a, điểm b khoản ... Điều ... Nghị định này.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường cập nhật số lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính vào tài khoản của cơ sở trên Hệ thống đăng ký quốc gia, đồng thời gửi, cập nhật dữ liệu cho các đơn vị vận hành Sàn giao dịch các-bon khi thực hiện phân bổ theo quy định tại Điều ... Nghị định này.

3. Xác nhận tín chỉ các-bon để trao đổi trên Sàn giao dịch các-bon

a) Đối với tín chỉ các-bon từ dự án thuộc cơ chế quy định tại Điều ... Nghị định này và cơ chế quy định tại điểm a khoản ... Điều ... Nghị định này, Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi thông tin về lượng tín chỉ các-bon cho các đơn vị vận hành Sàn giao dịch các-bon để cập nhật vào tài khoản của tổ chức khi đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch các-bon;

b) Đối với tín chỉ các-bon từ chương trình, dự án thuộc cơ chế quy định tại điểm b khoản ... Điều ... Nghị định này, tổ chức tham gia chương trình, dự án có nhu cầu xác nhận tín chỉ các-bon gửi hồ sơ tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo một trong các hình thức: trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính. Hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị xác nhận tín chỉ các-bon theo Mẫu số 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này; Chứng nhận của cơ quan quản lý cơ chế đối với lượng tín chỉ các-bon của chương trình, dự án để được trao đổi trên Sàn giao dịch các-bon.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Bộ Nông nghiệp và Môi trường rà soát, xác nhận và gửi thông tin về lượng tín chỉ các-bon được xác nhận vào tài khoản của tổ chức đề nghị trên Sàn giao dịch các-bon; trường hợp không xác nhận phải nêu rõ lý do.

4. Trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính

Trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính được thực hiện trên Sàn giao dịch các-bon theo quy định pháp luật về Sàn giao dịch các-bon.

Điều 38. Đấu giá hạn ngạch phát thải khí nhà kính

1. Giai đoạn 2029 - 2030, áp dụng phương thức phân bổ miễn phí kết hợp với đấu giá với tỷ lệ đấu giá 5% tổng hạn ngạch khí nhà kính phân bổ và tăng dần định kỳ theo lộ trình giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia.

2. Đấu giá hạn ngạch phát thải khí nhà kính được thực hiện tập trung trên Sàn giao dịch các-bon trong nước do Bộ Tài chính thành lập và quản lý.

3. Hình thức đấu giá ...

4. Khối lượng đấu giá ...

5. Quản lý và sử dụng nguồn thu từ đấu giá

Điều 39. Sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ phát thải khí nhà kính

1. Cơ sở có thể sử dụng tín chỉ các-bon từ dự án thuộc các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại Điều 20 Nghị định này, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 20a Nghị định này để bù trừ không quá 30% lượng hạn ngạch phát thải khí nhà kính được phân bổ của cơ sở;

2. Cơ sở sử dụng tín chỉ các-bon để bù trừ phát thải khí nhà kính tự thực hiện trên Hệ thống đăng ký quốc gia trong quá trình nộp trả.

3. Trao đổi tín chỉ các-bon phục vụ bù trừ phát thải khí nhà kính

a) Trao đổi tín chỉ các-bon phục vụ bù trừ phát thải khí nhà kính là việc mua, bán tín chỉ các-bon giữa các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này và tổ chức sở hữu tín chỉ các-bon thuộc các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon quy định tại Điều 20 Nghị định này, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 20a Nghị định này được thực hiện trên Sàn giao dịch các-bon theo quy định pháp luật về Sàn giao dịch các-bon;

b) Hoạt động trao đổi tín chỉ các-bon phải bảo đảm tuân thủ quy định tại các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Sử dụng tín chỉ các-bon để giảm phát thải khí nhà kính tự nguyện

Nhà nước khuyến khích tổ chức mua tín chỉ các-bon để giảm phát thải khí nhà kính tự nguyện, đóng góp vào thực hiện mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính quốc gia. Lượng tín chỉ các-bon đã sử dụng để giảm phát thải khí nhà kính tự nguyện không được tiếp tục trao đổi trên thị trường.

Điều 40. Bình ổn thị trường các-bon trong nước

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các biện pháp bình ổn trong các trường hợp sau:

a) Trong sáu tháng liên tiếp, giá của hạn ngạch phát thải vượt quá giá trung bình trong hai năm liền kề trước đó.

b) Khối lượng giao dịch tăng quá lớn trong một thời gian ngắn.

2. Các biện pháp bình ổn thị trường được thực hiện theo cách sau:

a) Phân bổ hạn ngạch phát thải bổ sung không quá 25% hạn ngạch phát thải dự trữ.

b) Thiết lập số lượng nắm giữ tối thiểu hoặc tối đa của hạn ngạch phát thải.

Điều 41. Trách nhiệm phát triển thị trường các-bon trong nước

1. Bộ Tài chính chủ trì xây dựng, thành lập sàn giao dịch các-bon và xây dựng chính sách tài chính cho hoạt động của thị trường các-bon.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ liên quan tổ chức vận hành sàn giao dịch các-bon; xây dựng tài liệu tuyên truyền, thực hiện các hoạt động tăng cường năng lực cho các đối tượng tham gia thị trường các-bon.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính thực hiện quy định tại khoản

1, khoản 2 Điều này và các hoạt động thúc đẩy việc phát triển thị trường các-bon; tổ chức phổ biến, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức của cộng đồng về thị trường các-bon.

Chương IV

BẢO VỆ TẦNG Ô-DÔN

Điều 42. Các chất làm suy giảm tầng ô-dôn được kiểm soát và lộ trình quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn được kiểm soát

1. Các chất làm suy giảm tầng ô-dôn được kiểm soát bao gồm:

- a) Bromochloromethane;
- b) Carbon tetrachloride (sau đây gọi tắt là CTC);
- c) Chlorofluorocarbon (sau đây gọi tắt là CFC);
- d) Halon;
- đ) Hydrobromofluorocarbon (sau đây gọi tắt là HBFC);
- e) Hydrochlorofluorocarbon (sau đây gọi tắt là HCFC);
- g) Methyl bromide;
- h) Methyl chloroform.

2. Lộ trình quản lý, loại trừ các chất HCFC theo giai đoạn như sau:

a) Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024: tổng lượng tiêu thụ quốc gia không vượt 65% mức tiêu thụ cơ sở;

b) Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2029: tổng lượng tiêu thụ quốc gia hằng năm không vượt 32,5% mức tiêu thụ cơ sở;

c) Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2030 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2039: tổng lượng tiêu thụ quốc gia trung bình hằng năm không vượt 2,5% mức tiêu thụ cơ sở;

d) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2040: loại trừ hoàn toàn các chất HCFC.

3. Tổng lượng tiêu thụ quốc gia các chất HCFC được xác định trên cơ sở lượng các chất HCFC nhập khẩu trừ (-) lượng các chất HCFC được xuất khẩu. Mức tiêu thụ cơ sở các chất HCFC quy đổi theo tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn là 221,2 tấn.

4. Chất Methyl bromide chỉ được nhập khẩu cho mục đích khử trùng và kiểm dịch hàng hóa.

5. Danh mục cấm sản xuất, nhập khẩu theo cam kết thực hiện điều ước quốc tế về bảo vệ tầng ô-dôn

a) Danh mục cấm sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát và thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát theo cam kết thực hiện điều ước quốc tế về bảo vệ tầng ô-dôn mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt

Nam là thành viên quy định tại Danh mục số 01 Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các trường hợp miễn trừ khi nhập khẩu chất được kiểm soát thuộc Danh mục số 01 Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này thực hiện như sau:

Tổ chức nhập khẩu phải khai báo rõ chất được kiểm soát, mục đích nhập khẩu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin khai báo khi làm thủ tục hải quan. Cơ quan hải quan căn cứ thông tin khai báo và hồ sơ kèm theo để giải quyết thủ tục hải quan theo quy định.

Việc nhập khẩu chất được kiểm soát sau khi tái chế đáp ứng yêu cầu chất lượng phục vụ phòng cháy, chữa cháy trong lĩnh vực hàng không hoặc chất được kiểm soát còn tồn tại trong thiết bị, sản phẩm nhập khẩu dưới dạng tạp chất vết không thể loại bỏ trong quá trình sản xuất và thuộc đối tượng miễn trừ theo Nghị định thư Montreal, tổ chức nhập khẩu nộp cho cơ quan hải quan 01 bản chụp văn bản xác nhận của tổ chức giám định hoặc thử nghiệm hoặc kiểm định thuộc lĩnh vực, ngành nghề có liên quan được công nhận đáp ứng các yêu cầu tại các tiêu chuẩn ISO/IEC tương ứng;

c) Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định cho phép nhập khẩu các chất được kiểm soát và thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát thuộc Danh mục số 01 Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này nhằm phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh; phòng, chống dịch bệnh.

Điều 43. Chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát và lộ trình quản lý, loại trừ chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát

1. Chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát là các chất Hydrofluorocarbon (sau đây gọi tắt là HFC).

2. Lộ trình quản lý, loại trừ các chất HFC theo giai đoạn như sau:

a) Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2028: tổng lượng tiêu thụ quốc gia hằng năm không vượt mức tiêu thụ cơ sở; tổng lượng sản xuất quốc gia hằng năm không vượt mức sản xuất cơ sở;

b) Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2029 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2034: tổng lượng tiêu thụ quốc gia hằng năm không vượt 90% mức tiêu thụ cơ sở; tổng lượng sản xuất quốc gia hằng năm không vượt 90% mức sản xuất cơ sở;

c) Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2035 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2039: tổng lượng tiêu thụ quốc gia hằng năm không vượt 70% mức tiêu thụ cơ sở; tổng lượng sản xuất quốc gia hằng năm không vượt 70% mức sản xuất cơ sở;

d) Giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2040 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2044: tổng lượng tiêu thụ quốc gia hằng năm không vượt 50% mức tiêu thụ cơ sở; tổng lượng sản xuất quốc gia hằng năm không vượt 50% mức sản xuất cơ sở;

đ) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2045: tổng lượng tiêu thụ quốc gia hằng năm không vượt 20% mức tiêu thụ cơ sở; tổng lượng sản xuất quốc gia hằng năm không vượt 20% mức sản xuất cơ sở.

3. Tổng lượng tiêu thụ quốc gia các chất HFC

a) Tổng lượng sản xuất quốc gia các chất HFC được xác định trên cơ sở lượng các chất HFC được sản xuất trừ (-) lượng các chất HFC được tiêu hủy, quy đổi theo lượng CO₂ tương đương;

b) Tổng lượng nhập khẩu quốc gia các chất HFC được xác định trên cơ sở lượng các chất HFC nhập khẩu trừ (-) lượng các chất HFC được xuất khẩu, quy đổi theo lượng CO₂ tương đương;

c) Tổng lượng tiêu thụ quốc gia các chất HFC được xác định trên cơ sở tổng lượng sản xuất quốc gia các chất HFC cộng (+) tổng lượng nhập khẩu quốc gia các chất HFC quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

4. Mức tiêu thụ và sản xuất cơ sở các chất HFC

a) Mức tiêu thụ cơ sở các chất HFC được xác định trên cơ sở mức tiêu thụ trung bình các chất HFC quy đổi theo lượng CO₂ tương đương của các năm 2020, 2021, 2022 cộng (+) với 65% mức tiêu thụ cơ sở các chất HCFC quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định này tính theo lượng CO₂ tương đương. Mức tiêu thụ cơ sở các chất HFC của Việt Nam là 13.991.360 tấn CO₂ tương đương.

b) Mức sản xuất cơ sở các chất HFC được xác định trên cơ sở lượng sản xuất trung bình các chất HFC quy đổi theo lượng CO₂ tương đương của các năm 2020, 2021, 2022. Mức sản xuất cơ sở các chất HFC của Việt Nam là 0 tấn CO₂ tương đương.

5. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường định kỳ công bố tổng lượng tiêu thụ quốc gia theo từng giai đoạn quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 44. Danh mục cấm sản xuất, nhập khẩu theo cam kết thực hiện điều ước quốc tế về bảo vệ tầng ô-dôn

1. Danh mục cấm sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát và thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát theo cam kết thực hiện điều ước quốc tế về bảo vệ tầng ô-dôn mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên quy định tại Danh mục số 01 Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này;

2. Các trường hợp miễn trừ khi nhập khẩu chất được kiểm soát thuộc Danh mục số 01 Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này thực hiện như sau:

a) Tổ chức nhập khẩu phải khai báo rõ chất được kiểm soát, mục đích nhập khẩu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin khai báo khi làm thủ tục hải quan. Cơ quan hải quan căn cứ thông tin khai báo và hồ sơ kèm theo để giải quyết thủ tục hải quan theo quy định.

b) Việc nhập khẩu chất được kiểm soát sau khi tái chế đáp ứng yêu cầu chất lượng phục vụ phòng cháy, chữa cháy trong lĩnh vực hàng không hoặc chất được kiểm soát còn tồn tại trong thiết bị, sản phẩm nhập khẩu dưới dạng tạp chất vết không thể loại bỏ trong quá trình sản xuất và thuộc đối tượng miễn trừ theo Nghị định thư Montreal, tổ chức nhập khẩu nộp cho cơ quan hải quan 01 bản chụp văn

bản xác nhận của tổ chức giám định hoặc thử nghiệm hoặc kiểm định thuộc lĩnh vực, ngành nghề có liên quan được công nhận đáp ứng các yêu cầu tại các tiêu chuẩn ISO/IEC tương ứng;

3. Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định cho phép nhập khẩu các chất được kiểm soát và thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát thuộc Danh mục số 01 Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này nhằm phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh; phòng, chống dịch bệnh.

Điều 45. Đăng ký và báo cáo sử dụng các chất được kiểm soát

1. Đối tượng phải đăng ký sử dụng các chất được kiểm soát bao gồm:

- a) Tổ chức có hoạt động sản xuất chất được kiểm soát;
- b) Tổ chức có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu chất được kiểm soát;
- c) Tổ chức sản xuất, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ chất được kiểm soát;
- d) Tổ chức sở hữu thiết bị có chứa các chất được kiểm soát: máy điều hòa không khí có năng suất lạnh danh định từ 26,5 kW (90.000 BTU/h) trở lên; thiết bị lạnh công nghiệp có công suất điện từ 40 kW trở lên;
- đ) Tổ chức thực hiện dịch vụ thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất được kiểm soát.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này nộp về Bộ Nông nghiệp và Môi trường 01 bộ hồ sơ đăng ký sử dụng các chất được kiểm soát (sau đây gọi là hồ sơ đăng ký) theo một trong các hình thức: nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính. Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu điện, thời gian tiếp nhận hồ sơ được xác định căn cứ trên dấu bưu điện đi.

3. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- a) Đơn đăng ký sử dụng các chất được kiểm soát theo Mẫu số 01 của Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;
- b) Văn bản chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức đăng ký theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về đầu tư hoặc pháp luật có liên quan: 01 bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của tổ chức đăng ký hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính, trừ trường hợp thông tin có thể khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

Trường hợp thông tin của tổ chức đăng ký không khai thác được hoặc khai thác được nhưng không đầy đủ, không chính xác từ các cơ sở dữ liệu nêu trên, Bộ Nông nghiệp và Môi trường yêu cầu tổ chức bổ sung bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của tổ chức đăng ký hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính của văn bản quy định tại điểm này.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký, Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo cho tổ chức đăng ký về việc chấp nhận hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đăng

ký là không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo về việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, đánh giá hồ sơ đăng ký và công bố thông tin về tổ chức đã hoàn thành đăng ký sử dụng chất được kiểm soát trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Công thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

6. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình sử dụng các chất được kiểm soát về Bộ Nông nghiệp và Môi trường bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính trước ngày 15 tháng 01 hằng năm theo quy định tại Mẫu số 02 của Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp báo cáo được gửi qua đường bưu điện, thời gian tiếp nhận hồ sơ được xác định căn cứ trên dấu bưu điện đi.

6a. Thông tin đăng ký kèm theo tại báo cáo tình hình sử dụng các chất được kiểm soát của tổ chức quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều ... là cơ sở để cơ quan quản lý nhà nước xem xét phân bổ hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu cho các tổ chức theo quy định.

7. Đối tượng thuộc quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường và báo cáo tình hình sử dụng các chất được kiểm soát theo quy định tại Điều này.

Điều 46. Yêu cầu về phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất được kiểm soát

1. Hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu quy định tại Điều này áp dụng đối với chất được kiểm soát nguyên sinh; việc quản lý chất được kiểm soát sau tái chế thực hiện theo quy định tại Điều ... và Điều ... Nghị định này.

2. Hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu áp dụng cho các chất quy định tại điểm e khoản 1 Điều ... không vượt quá tổng lượng tiêu thụ quốc gia quy định tại khoản 3 Điều ...; các chất quy định khoản 1 Điều ... không vượt quá tổng lượng tiêu thụ quốc gia quy định tại điểm c khoản 3 Điều ... Nghị định này.

3. Hạn ngạch được phân bổ cho các tổ chức quy định tại các điểm a, điểm b khoản 1 Điều ... theo từng năm, được xác định theo yêu cầu quản lý, nhu cầu sử dụng và lượng sử dụng trung bình của tổ chức trong 03 năm gần nhất. Tổng lượng hạn ngạch phân bổ không vượt quá 80% tổng lượng tiêu thụ quốc gia các chất được kiểm soát, việc phân bổ lượng hạn ngạch còn lại được thực hiện theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 3 Điều này.

4. Việc phân bổ lượng hạn ngạch còn lại được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Tổ chức sử dụng chất được kiểm soát có tiềm năng làm nóng lên toàn cầu thấp có nhu cầu bổ sung hạn ngạch. Giá trị tiềm năng làm nóng lên toàn cầu thấp được xác định căn cứ theo Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất được kiểm soát của Việt Nam;

b) Tổ chức mới thành lập hoặc mới đăng ký có lĩnh vực hoạt động liên quan đến các chất được kiểm soát;

c) Tổ chức đã được phân bổ hạn ngạch có nhu cầu bổ sung hạn ngạch.

5. Các tổ chức được phân bổ hạn ngạch chỉ được sử dụng hạn ngạch trong năm được phân bổ.

6. Việc phân bổ hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu các chất được kiểm soát cho tổ chức đăng ký sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 được thực hiện trên cơ sở đánh giá hồ sơ đăng ký nhu cầu sử dụng hạn ngạch, hồ sơ năng lực của công ty và yêu cầu quản lý về các chất được kiểm soát.

7. Các tổ chức sử dụng các chất gây hiệu ứng nhà kính có giá trị nóng lên toàn cầu thấp, được xem xét, bổ sung hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu căn cứ theo xếp hạng dựa trên tỷ lệ lượng tiêu thụ quy đổi theo lượng CO₂ tương đương của tổ chức trong 03 năm gần nhất.

8. Việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch được thực hiện trên cơ sở đề nghị của tổ chức đã được phân bổ hạn ngạch, tình hình sử dụng hạn ngạch của các tổ chức đã được phân bổ hạn ngạch và yêu cầu quản lý về các chất được kiểm soát.

9. Tổ chức nhập khẩu các chất được kiểm soát theo hạn ngạch được phân bổ nhưng sau đó xuất khẩu được xem xét bổ sung hạn ngạch nhập khẩu không vượt quá lượng đã xuất khẩu. Hạn ngạch nhập khẩu bổ sung được xem xét điều chỉnh, bổ sung vào hạn ngạch nhập khẩu đã cấp trong năm hoặc năm kế tiếp khi có đề nghị.

Điều 47. Trình tự, thủ tục phân bổ, điều chỉnh, bổ sung, hủy phân bổ hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu các chất được kiểm soát

1. Tổ chức quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều ... Nghị định này được xem xét phân bổ hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu các chất được kiểm soát.

2. Căn cứ quy định tại Điều ..., Điều ... Nghị định này, trong thời hạn 22 ngày làm việc, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét quyết định phân bổ hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu cho tổ chức theo quy định tại Mẫu số 03A của Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này thông qua các hoạt động sau:

a) Rà soát, đánh giá thông tin đăng ký và báo cáo tình hình sử dụng các chất được kiểm soát của tổ chức;

b) Đối chiếu tổng lượng tiêu thụ quốc gia và mục tiêu, yêu cầu quản lý về các chất được kiểm soát;

c) Tổ chức kiểm tra thực tế nhằm xác minh thông tin đăng ký, đánh giá hồ sơ năng lực, kỹ thuật và công nghệ sản xuất trong trường hợp cần thiết;

d) Lấy ý kiến Bộ Công Thương bằng văn bản về dự kiến phân bổ hạn ngạch. Thời gian tham gia ý kiến của Bộ Công Thương là không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến. Quá thời hạn nêu trên mà cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời thì được xác định là thống nhất với nội dung hồ sơ.

3. Tổ chức có nhu cầu điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu

các chất được kiểm soát gửi đơn đề nghị theo Mẫu số 04 của Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi theo dịch vụ bưu chính để được xem xét, điều chỉnh, bổ sung trước ngày 10 tháng 7 hằng năm. Việc điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch được thực hiện theo trình tự phân bổ hạn ngạch. Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu trong thời hạn 22 ngày làm việc theo quy định tại Mẫu số 03B của Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này.

4. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, cơ quan quản lý chuyên ngành về biến đổi khí hậu thông báo việc phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu các chất được kiểm soát tới tổ chức đăng ký trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo Mẫu số 05A và Mẫu số 05B của Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Thông báo phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch nhập khẩu là cơ sở để cơ quan hải quan kiểm soát, giải quyết thủ tục hải quan đối với các chất được kiểm soát nhập khẩu.

Trường hợp chưa hoặc không thực hiện được thủ tục hành chính thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, cơ quan quản lý chuyên ngành về biến đổi khí hậu cập nhật, đăng tải Thông báo phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch nhập khẩu các chất được kiểm soát lên Cổng thông tin một cửa quốc gia để cơ quan hải quan căn cứ, kiểm soát hoạt động nhập khẩu hàng hóa theo quy định.

Trường hợp Cổng thông tin một cửa quốc gia xảy ra sự cố hoặc trường hợp bất khả kháng không thể trao đổi, cung cấp thông tin dưới hình thức điện tử, tổ chức nhập khẩu nộp cho cơ quan hải quan 01 bản chụp Thông báo phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch nhập khẩu các chất được kiểm soát trên Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan.

6. Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định hủy phân bổ hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu các chất được kiểm soát theo Mẫu số 06 của Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này trong các trường hợp sau:

a) Cung cấp sai thông tin trong báo cáo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Sử dụng thông báo phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu các chất được kiểm soát không đúng mục đích hoặc trái quy định của pháp luật;

c) Các trường hợp vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Việc hủy phân bổ hạn ngạch quy định tại khoản này được áp dụng đối với năm kế tiếp của năm ban hành quyết định hủy phân bổ hạn ngạch.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định hủy phân bổ hạn ngạch, cơ quan quản lý chuyên ngành về biến đổi khí hậu thông báo cho cơ quan có liên quan và tổ chức về việc hủy phân bổ hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu các chất được kiểm soát.

7. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ định cơ quan quản lý chuyên ngành về biến đổi khí hậu thực hiện rà soát, đánh giá, tổng hợp về việc đăng ký, báo cáo và các hoạt động khác để phân bổ, điều chỉnh, bổ sung, hủy phân bổ hạn ngạch sản xuất và nhập khẩu các chất được kiểm soát.

8. Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thực hiện kết nối hệ thống Công thông tin một cửa quốc gia với hệ thống dịch vụ công trực tuyến thuộc phạm vi quản lý để thực hiện phân bổ hạn ngạch và quản lý nhập khẩu các chất được kiểm soát trên hệ thống.

Điều 48. Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát

1. Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát phải phù hợp với các cam kết quốc tế về bảo vệ tầng ô-dôn mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; phù hợp với điều kiện thực hiện quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát ở Việt Nam.

2. Nội dung chính của Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát bao gồm:

a) Đánh giá hiện trạng sử dụng, quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát; dự báo xu hướng thay đổi; mục tiêu, lộ trình, chỉ tiêu của kế hoạch;

b) Loại và tổng lượng các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát theo giai đoạn và theo lĩnh vực sử dụng;

c) Biện pháp quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát; giải pháp hợp tác, chia sẻ thông tin;

d) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, các bên liên quan trong tổ chức thực hiện, triển khai kế hoạch.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát trước ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4. Lộ trình quản lý, loại trừ chất được kiểm soát có chứa trong thiết bị, sản phẩm hoặc chất được kiểm soát sử dụng để sản xuất thiết bị, sản phẩm quy định tại Biểu số 01 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này; việc triển khai thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 49. Quản lý vòng đời các chất được kiểm soát

1. Quản lý vòng đời các chất được kiểm soát, bao gồm chất có chứa trong và được sử dụng để sản xuất thiết bị, sản phẩm, là việc quản lý xuyên suốt quá trình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, lưu thông, sử dụng, bảo dưỡng, thay thế, thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tái sử dụng, xử lý và loại bỏ nhằm hạn chế phát thải các chất được kiểm soát ra môi trường, bảo đảm thu hồi, tái chế,

tái sử dụng hoặc xử lý các chất được kiểm soát theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức sở hữu thiết bị có chứa các chất được kiểm soát quy định tại điểm d khoản 1 Điều ... Nghị định này thực hiện việc thu gom, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát theo nguyên tắc sau:

a) Bắt buộc thực hiện thu gom các chất được kiểm soát khi không còn sử dụng trong thiết bị, sản phẩm từ ngày 01 tháng 01 năm 2024;

b) Khuyến khích thực hiện tái chế, tái sử dụng các chất được kiểm soát sau khi thu gom;

c) Trường hợp không thực hiện tái chế, tái sử dụng các chất được kiểm soát, tổ chức phải xử lý để tiêu hủy theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại;

d) Thực hiện báo cáo việc sử dụng các chất được kiểm soát hằng năm theo quy định tại khoản 6 Điều ... Nghị định này;

đ) Việc thu gom, tái chế và tái sử dụng các chất được kiểm soát nhằm giảm nhu cầu sử dụng chất được kiểm soát nguyên sinh, thúc đẩy sử dụng tuần hoàn các chất được kiểm soát và hạn chế phát thải các chất được kiểm soát ra môi trường.

3. Thu gom, vận chuyển và lưu giữ các chất được kiểm soát được thực hiện như sau:

a) Các chất được kiểm soát phát sinh trong quá trình lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo, thay thế hoặc tháo dỡ thiết bị, sản phẩm được thu gom, vận chuyển và lưu giữ theo quy định của Nghị định này.

b) Đối với trường hợp các chất được kiểm soát sau khi được thu gom có thể tái chế, tái sử dụng thì thực hiện tái chế, tái sử dụng theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

c) Đối với trường hợp không thể tái chế, tái sử dụng thì việc xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

4. Việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ các chất được kiểm soát phải đáp ứng yêu cầu sau đây:

a) Có các thiết bị tối thiểu cho hoạt động thu gom các chất được kiểm soát bao gồm máy thu hồi, bình chứa thu hồi, bơm chân không, cân định lượng, thiết bị kiểm tra rò rỉ, đồng hồ đo áp suất và các dụng cụ an toàn;

b) Có kỹ thuật viên đáp ứng yêu cầu tại khoản 4 Điều này;

c) Có quy trình và hồ sơ quản lý việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ các chất được kiểm soát bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

5. Kỹ thuật viên thực hiện lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, tháo dỡ thiết bị, hệ thống có chứa các chất được kiểm soát phải hoàn thành khóa đào tạo thu gom, xử lý an toàn và phòng ngừa rò rỉ các chất được kiểm soát ra môi trường.

6. Nhà sản xuất, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc sản xuất từ các

chất được kiểm soát có năng suất lạnh danh định dưới 26,5 kW (90.000 BTU/h) hoặc công suất điện dưới 40 kW có trách nhiệm thu gom, tái chế, xử lý các chất được kiểm soát trong thiết bị, sản phẩm theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều này từ ngày 01 tháng 01 năm 2028. Khuyến khích nhà sản xuất, nhập khẩu thiết bị, sản phẩm xây dựng mạng lưới thu gom các chất được kiểm soát phục vụ tái chế, tái sử dụng và xử lý theo quy định.

7. Bộ Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, ban hành, cập nhật quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, yêu cầu kỹ thuật đối với hoạt động thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát.

8. Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về văn bằng của kỹ thuật viên thực hiện lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị có chứa các chất được kiểm soát.

9. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn trực thuộc có liên quan thực hiện tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của các tổ chức, cá nhân đối với hoạt động thu gom, vận chuyển và lưu giữ các chất được kiểm soát; chất được kiểm soát sau khi tái chế. Việc cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy được thực hiện như sau:

a) Hồ sơ đề nghị cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy gồm:

a1) Bản công bố hợp quy theo mẫu ...: 01 bản chính;

a2) Báo cáo tự đánh giá: 01 bản chính (trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá sự phù hợp) hoặc Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng kèm theo mẫu dấu hợp quy do tổ chức chứng nhận đã đăng ký cấp cho tổ chức: 01 bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính (trường hợp công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận).

b) Trình tự thực hiện:

b1) Tổ chức đề nghị cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tương ứng tại địa phương tổ chức đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;

b2) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị, cơ quan chuyên môn thông báo cho tổ chức đăng ký về việc chấp nhận hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Sau thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan chuyên môn gửi văn bản đề nghị mà hồ sơ công bố hợp quy không được bổ sung đầy đủ theo quy định, Cơ quan chuyên môn có quyền hủy bỏ việc xử lý đối với hồ sơ này;

b3) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị hợp lệ, cơ quan chuyên môn tổ chức kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ công bố hợp quy, cơ quan chuyên môn ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Việc duy trì hiệu lực công bố hợp quy, đánh giá sự phù hợp, giám sát sau công bố hợp quy và xử lý trường hợp không còn đáp ứng yêu cầu thực hiện theo

quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Điều 50. Vận chuyển xuyên biên giới chất được kiểm soát đã qua sử dụng

1. Chất được kiểm soát đã qua sử dụng được phép vận chuyển xuyên biên giới để tái chế hoặc tiêu hủy theo quy định của Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại và pháp luật có liên quan. Hồ sơ vận chuyển xuyên biên giới phải có thông tin về nguồn phát sinh, khối lượng, chủng loại chất được kiểm soát, cơ sở tiếp nhận, công nghệ xử lý và tài liệu xác nhận kết quả tái chế hoặc tiêu hủy.

2. Việc vận chuyển xuyên biên giới chất được kiểm soát đã qua sử dụng để tái chế được phép thực hiện tiêu hủy ở nước ngoài đối với phần chất, tạp chất hoặc thành phần không thể tái chế phát sinh trong quá trình xử lý theo quy định của cơ sở tiếp nhận và pháp luật của nước sở tại. Tổ chức thực hiện vận chuyển xuyên biên giới có trách nhiệm cung cấp tài liệu xác nhận khối lượng đã được tái chế và khối lượng đã tiêu hủy. Khối lượng chất được kiểm soát đã tiêu hủy ở nước ngoài được tính vào lượng tiêu thụ của Việt Nam.

3. Chất được kiểm soát sau tái chế không được coi là chất được kiểm soát nguyên sinh và chỉ được lưu thông, sử dụng hoặc nhập khẩu khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành;

b) Có nhãn hàng hóa, giấy chứng nhận chất lượng và hồ sơ thương mại theo quy định của pháp luật;

c) Có thông tin, tài liệu bảo đảm truy xuất được nguồn gốc của chất được kiểm soát đã qua sử dụng từ khâu thu gom, tái chế, tái sinh đến lưu thông trở lại thị trường.

4. Tổ chức nhập khẩu chất được kiểm soát sau khi tái chế phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Khối lượng nhập khẩu không vượt quá khối lượng chất được kiểm soát đã xuất khẩu để tái chế;

b) Đã thực hiện đăng ký sử dụng các chất được kiểm soát theo quy định;

c) Thực hiện chế độ báo cáo hằng năm theo quy định của pháp luật.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thủ tục cho phép nhập khẩu chất được kiểm soát sau khi tái chế đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều này theo quy trình sau:

a) Tổ chức đăng ký nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định bằng một trong các hình thức trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký, cơ quan

chuyên môn thông báo cho tổ chức đăng ký về việc chấp nhận hồ sơ hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đăng ký là không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo về việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ, cơ quan chuyên môn đánh giá hồ sơ đăng ký và tổng hợp hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được giao thực hiện quyết định cho phép nhập khẩu các chất được kiểm soát sau khi tái chế theo hình thức bản giấy hoặc bản điện tử theo quy định tại Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Hồ sơ đăng ký nhập khẩu chất được kiểm soát sau khi tái chế gồm:

a) Đơn đăng ký nhập khẩu chất được kiểm soát sau khi tái chế theo Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

b) Văn bản, tài liệu chứng minh tổ chức đăng ký nhập khẩu chất được kiểm soát sau khi tái chế đáp ứng các yêu cầu quy định;

c) Hồ sơ vận chuyển đã có xác nhận của đơn vị xử lý ở nước ngoài, bao gồm tài liệu chấp thuận việc xuất khẩu chất được kiểm soát đã qua sử dụng của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: 01 bản sao có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của tổ chức đăng ký.

Điều 51. Trách nhiệm trong quản lý các chất được kiểm soát

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện Công ước Vienna và Nghị định thư Montreal, chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về các chất được kiểm soát. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan:

a) Thực hiện quản lý các chất được kiểm soát theo điều ước quốc tế về bảo vệ tầng ô-dôn mà Việt Nam là thành viên; phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch sản xuất, nhập khẩu các chất HCFC, HFC theo giai đoạn và hằng năm; quản lý, cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu chất Methyl bromide cho mục đích quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định này;

b) Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất được kiểm soát; ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục, quản lý các chất được kiểm soát, thiết bị, sản phẩm có chứa hoặc được sản xuất từ chất được kiểm soát theo cam kết thực hiện điều ước quốc tế về bảo vệ tầng ô-dôn mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

c) Triển khai hệ thống dịch vụ công trực tuyến về đăng ký, báo cáo, phân bổ hạn ngạch và quản lý xuất khẩu, nhập khẩu các chất được kiểm soát; kết nối Cổng thông tin một cửa quốc gia về quản lý các chất được kiểm soát;

d) Tổ chức việc thực hiện các nghĩa vụ của quốc gia đối với Nghị định thư

Montreal; phối hợp với cơ quan đầu mối của các quốc gia khác trong việc thực hiện các biện pháp tuân thủ Nghị định thư Montreal của Việt Nam;

đ) Xây dựng, ban hành hoặc phối hợp xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo đảm an toàn trong sản xuất, sử dụng và thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tái sử dụng, xử lý các chất được kiểm soát;

e) Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát việc đăng ký, báo cáo, sử dụng hạn ngạch; quản lý, hướng dẫn việc thực hiện quy định về thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý các chất được kiểm soát;

g) Tổ chức thực hiện các nội dung được giao theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định này và các nhiệm vụ khác liên quan đến quản lý chất được kiểm soát.

2. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân bổ, điều chỉnh, bổ sung hạn ngạch nhập khẩu, sản xuất đối với các chất được kiểm soát nguyên sinh và chất được kiểm soát sau tái chế.

3. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ liên quan:

a) Thực hiện việc quản lý, cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu chất Methyl bromide cho mục đích quy định tại khoản 4 Điều ... Nghị định này;

b) Kết nối Cổng thông tin một cửa quốc gia với hệ thống dịch vụ công trực tuyến về quản lý chất Methyl bromide của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

c) Cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu các chất được kiểm soát thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan đầu mối quốc gia để tổng hợp, xây dựng báo cáo quốc gia về việc thực hiện Nghị định thư Montreal tại Việt Nam trước ngày 30 tháng 01 hằng năm theo Mẫu số 07 của Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này và khi có đề nghị của cơ quan đầu mối quốc gia.

4. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan:

a) Phối hợp quản lý, kiểm soát xuất nhập khẩu các chất được kiểm soát trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu hải quan về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu các chất và hàng hóa có chứa các chất được kiểm soát thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan đầu mối quốc gia để tổng hợp, xây dựng báo cáo quốc gia về việc thực hiện Nghị định thư Montreal tại Việt Nam trước ngày 30 tháng 01 hằng năm theo Mẫu số 08 của Phụ lục ... ban hành kèm theo Nghị định này và khi có đề nghị của cơ quan đầu mối quốc gia.

5. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

a) Xây dựng và tổ chức triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ về thu gom, xử lý an toàn các chất được kiểm soát, phòng ngừa rò rỉ các chất được kiểm soát ra môi trường cho kỹ thuật viên thực hiện lắp đặt, vận hành,

bảo dưỡng, sửa chữa, tháo dỡ thiết bị, hệ thống có chứa các chất được kiểm soát;

b) Lồng ghép nội dung liên quan đến các chất được kiểm soát trong quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng đối với các ngành, nghề thuộc lĩnh vực có liên quan;

c) Tổ chức cấp chứng chỉ kỹ năng nghề cho kỹ thuật viên làm việc trong lĩnh vực liên quan đến chất được kiểm soát.

6. Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với hệ thống lạnh và điều hòa không khí, tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia; tổ chức đào tạo, đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề cho kỹ thuật viên làm việc trong lĩnh vực liên quan đến chất được kiểm soát.

7. Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền quản lý phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong công tác phòng ngừa và phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, kiểm soát, giảm thiểu sử dụng và loại trừ các chất được kiểm soát.

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cơ quan chuyên môn trực thuộc có liên quan:

a) Thực hiện các hoạt động phòng ngừa và phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, kiểm soát, giảm thiểu sử dụng và loại trừ các chất được kiểm soát trên địa bàn;

b) Tổ chức phổ biến, thực hiện Kế hoạch quốc gia về quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát; hướng dẫn áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát cho các bên liên quan;

c) Thực hiện tiếp nhận công bố hợp quy của các tổ chức, cá nhân, lập danh sách và gửi các cơ quan theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;

d) Thực hiện thủ tục cho phép nhập khẩu chất được kiểm soát sau khi tái chế đáp ứng các yêu cầu quy định tại Nghị định này;

đ) Kiểm tra, giám sát tuân thủ việc thực hiện công bố hợp quy chất được kiểm soát sau khi tái chế; chất được kiểm soát sau khi tái chế được cho phép nhập khẩu vào Việt Nam và quy định của pháp luật có liên quan về kinh doanh, thương mại sản phẩm, hàng hóa.

e) Cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan đến các tổ chức sử dụng các chất được kiểm soát trên địa bàn quản lý theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong công tác phòng ngừa và phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, kiểm soát, giảm thiểu sử dụng và loại trừ các chất được kiểm soát.

Chương V**CÁC BIỆN PHÁP THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG VỀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ BẢO VỆ TẦNG Ô-DÔN****Điều 52. Xây dựng và triển khai cơ chế, phương thức hợp tác**

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường là đầu mối quốc gia thực hiện các công ước, điều ước quốc tế về giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn có trách nhiệm chủ trì đàm phán xây dựng, triển khai thực hiện, cung cấp thông tin về tình hình thực hiện các cơ chế, phương thức hợp tác theo quy định của các điều ước quốc tế về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án hợp tác song phương, đa phương về giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Điều 53. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

1. Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ, ngành có liên quan triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng chuyển giao công nghệ về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn bảo đảm các mục tiêu quốc gia, ngành, lĩnh vực theo từng giai đoạn.

Điều 54. Tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức phổ biến, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, tăng cường hợp tác quốc tế để nâng cao năng lực, nhận thức của cộng đồng, huy động sự tham gia của nhân dân về giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

2. Các biện pháp tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức bao gồm:

a) Tăng cường năng lực cho các cán bộ quản lý nhà nước về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn;

b) Đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách về kiểm kê khí nhà kính; đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm phát thải khí nhà kính cho các cơ sở, ngành và địa phương; kỹ thuật viên thực hiện lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị có chứa các chất được kiểm soát;

c) Phổ cập nội dung giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn thông qua hệ thống giáo dục các cấp và các phương tiện thông tin đại chúng;

d) Đưa nội dung thúc đẩy các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn vào hoạt động của các hội khoa học kỹ thuật, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác;

đ) Tổ chức các phòng trưng bày sản phẩm, công nghệ, tổ chức các cuộc thi sáng tạo về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.

Điều 55. Khuyến khích các hoạt động về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

1. Hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, tiêu hủy các chất gây hiệu ứng nhà kính này được áp dụng cơ chế hợp tác, trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân có hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao và phát triển công nghệ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, làm mát bền vững thân thiện với khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn, tái chế các chất được kiểm soát được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, công nghệ cao.

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện việc chuyển đổi công nghệ nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, làm mát bền vững thân thiện với khí hậu, bảo vệ tầng ô-dôn; cung cấp dịch vụ thu gom, tái chế và xử lý các chất được kiểm soát được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định tại Điều 141 Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 56. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

2. Tổ chức được phân bổ hạn ngạch nhập khẩu các chất HCFC trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành; tổ chức đã đăng ký hạn ngạch nhập khẩu các chất HCFC năm 2022 không phải thực hiện thủ tục đăng ký theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định này.

Điều 57. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Hồ Quốc Dũng

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2).